

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC
CHO HỌC SINH THPT BẰNG VIỆC SỬ DỤNG CÁC
KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC

LĨNH VỰC: HÓA HỌC

Năm học: 2021 - 2022

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN
TRƯỜNG THPT NGHI LỘC 4

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC
CHO HỌC SINH THPT BẰNG VIỆC SỬ DỤNG CÁC
KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC**

Nhóm tác giả:

1. Phạm Thị Oanh

Tổ: Khoa học tự nhiên

ĐT: 0985632886

2. Hoàng Thị Sâm

Tổ: Văn – Ngoại ngữ

ĐT: 0969049125

Năm học: 2021 - 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	5
PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lý do chọn đề tài:.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	1
4. Kế hoạch nghiên cứu.....	1
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Thời gian nghiên cứu và hoàn thành đề tài	2
7. Đóng góp mới của đề tài	2
PHẦN II. NỘI DUNG.....	3
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	3
I. Cơ sở lý luận	3
1.1. Giao tiếp và hợp tác.....	3
1.1.1. Giao tiếp	3
1.1.2. Hợp tác	3
1.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh trong hoạt động nhóm.....	4
1.3. Phân biệt về năng lực và kỹ năng.....	4
1.4. Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.....	5
1.5 Kỹ năng giao tiếp hiệu quả.....	5
1.6. Các cách chia nhóm.....	6
II. Cơ sở thực tiễn.....	8
2.1. Thực trạng của việc tổ chức hoạt động nhóm trong dạy học.....	8
2.2. Khảo sát ý kiến của giáo viên về việc đổi mới phương pháp dạy học trong giai đoạn hiện nay.....	8
Chương 2: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC CHO HỌC SINH THPT BẰNG VIỆC SỬ DỤNG CÁC KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC.	11
I. Kỹ thuật sơ đồ tư duy.....	11
1.1. Cơ sở lý thuyết	11

1.2.Thiết kế hoạt động dạy học có sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy	12
1.2.1. Áp dụng cho môn hóa	12
1.2.2. Áp dụng cho môn Văn học.....	17
Chương 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM.....	46
I. Một số kết quả đạt được khi thực nghiệm đề tài	46
1.1. Tiến trình và nội dung thực hiện.....	46
1.2. Đánh giá thực nghiệm	50
1.2.1. Kết quả đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của nhóm học tập.....	50
1.2.2. Kết quả đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của cá nhân	52
1.2.3. Kết quả khảo sát giảng dạy về hiệu quả và tính khả thi của đề tài	54
PHẦN III: KẾT LUẬN	55
I. Kết luận	55
II. Ý nghĩa.....	55
III. Đề xuất và kiến nghị.....	56
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	57

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
HDHT	Hoạt động học tập
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
HCHC	Hợp chất hữu cơ
CTPT	Công thức phân tử
CTĐGN	Công thức đơn giản nhất
TCHH	Tính chất hóa học
KN	Kỹ năng
PTHH	Phương trình hóa học
THPT	Trung học phổ thông

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài:

Chương trình giáo dục phổ thông mới (2018) được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, giúp người học làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời, có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới.

Để đạt được mục tiêu đó, GV cần đổi mới cách thức tổ chức hoạt động học tập (HĐHT) nhằm tích cực hóa hoạt động của HS với phương châm: “Học tập trong hoạt động và bằng hoạt động”, từ đó, trong tổ chức dạy học cần hình thành và phát triển cho học sinh các năng lực cốt lõi đáp ứng thời đại mới như : năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất. Trong đó, năng lực giao tiếp và hợp tác là một trong 3 năng lực chung cần hướng tới ở tất cả các môn học.

Việc hình thành được năng lực giao tiếp và hợp tác trong dạy học bộ môn Hóa học, Ngữ Văn nói riêng và các môn học khác nói chung, GV cần sử dụng phong phú, linh hoạt, hiệu quả các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực. Thông qua đó học sinh sẽ hình thành được một số kỹ năng cần thiết như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng quản lý thời gian...

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn trên, chúng tôi nghiên cứu đề tài: **“Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS THPT bằng việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực”**.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận dạy học, lý thuyết về một số kỹ thuật dạy học tích cực chúng tôi đã tiến hành sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực để phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS THPT.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Học sinh các khối lớp trong trường THPT Nghi Lộc IV

Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS THPT thông qua việc sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực áp dụng cho môn Hóa học và Văn học.

4. Kế hoạch nghiên cứu

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu ở trên, tôi đề ra các nhiệm vụ và kế hoạch nghiên cứu cụ thể như sau:

- Nghiên cứu về năng lực giao tiếp và hợp tác

- Vai trò quan trọng của năng lực này trong giai đoạn hiện nay và tương lai
- Nghiên cứu lí luận về tự học, một số kỹ thuật dạy học tích cực.
- Nghiên cứu nội dung một số chương bài trong chương trình Hoá học và Văn học để lựa chọn và áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực.
- Thử nghiệm tại khối lớp trong trường.
- Kiểm tra năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh trước và sau khi áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực.
- Đánh giá hiệu quả của đề tài về khả năng lĩnh hội kiến thức và khả năng giải quyết vấn đề của học sinh.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu lý thuyết về lý luận dạy học nói chung và lý luận dạy Hoá học và Văn học nói riêng.
- Nghiên cứu các tài liệu về cơ sở lý luận một số kỹ thuật dạy học tích cực.
- Phương pháp thực nghiệm và thống kê. Thực nghiệm sư phạm để kiểm nghiệm tính thực tiễn và hiệu quả của phương án đã đề xuất.

6. Thời gian nghiên cứu và hoàn thành đề tài

Đề tài được bắt đầu thử nghiệm và tiến hành từ năm 2020 sau khi tìm hiểu về định hướng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Báo cáo kết quả năm học 2021- 2022.

7. Đóng góp mới của đề tài

Thấy được tầm quan trọng của việc phát triển năng lực giao tiếp hợp tác trong quá trình dạy học

Đề tài đã sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực để tổ chức dạy học các môn Hóa học và Văn học từ đó thấy được các kỹ thuật dạy học được lồng thường xuyên vào các môn học thì sẽ giúp HS rèn luyện được rất nhiều kỹ năng cần thiết.

PHẦN II. NỘI DUNG

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

I. Cơ sở lý luận

1.1. Giao tiếp và hợp tác

1.1.1. *Giao tiếp*

Giao tiếp là một quá trình hoạt động trao đổi thông tin giữa người nói và người nghe nhằm đạt được một mục đích nào đó. Mục đích của giao tiếp là nhằm thiết lập và củng cố các mối quan hệ xã hội. Hoạt động giao tiếp có thể tiến hành bằng ngôn ngữ hoặc bằng các hệ thống ký hiệu khác. Trong đó, giao tiếp bằng ngôn ngữ là hoạt động giao tiếp chủ đạo trong đời sống con người.

Khái niệm về năng lực giao tiếp lần đầu được xuất hiện trong những năm 1970 khi nhà ngôn ngữ học Hymes phân biệt hai loại năng lực: “năng lực ngữ pháp” và “năng lực sử dụng”. Từ đó, khái niệm “năng lực giao tiếp” được hình thành để chỉ việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ trong một tình huống xã hội cụ thể.

Đối với A. Abbou, năng lực giao tiếp được xem xét dưới góc độ xã hội nhiều hơn là ngôn ngữ. Theo Abbou, năng lực giao tiếp của một người nào đó là “tổng hợp năng lực vốn có và các khả năng thực hiện được hệ thống tiếp nhận và diễn giải các tín hiệu xã hội có được theo đúng như tập hợp các chỉ dẫn và quy trình đã được xây dựng và phát triển để tạo ra trong một tình huống xã hội các hành xử phù hợp với việc xem xét các dự định của mình”.

Dưới góc nhìn ngôn ngữ học của mình, Beautier – Casting lại cho rằng năng lực giao tiếp là “năng lực vốn có của người nói để hiểu một tình huống trao đổi ngôn ngữ và trả lời một cách thích hợp, bằng ngôn ngữ hay không bằng ngôn ngữ.

Giao tiếp giúp HS suy nghĩ để trình bày kết quả của mình đến người khác một cách rõ ràng và thuyết phục. Trong quá trình giao tiếp, các ý tưởng cũng được đánh giá xem xét từ nhiều góc nhìn giúp con người nhận thức vấn đề sâu sắc hơn. Đồng thời quá trình giao tiếp cũng tạo ra sự tương tác, kết nối về mặt cảm xúc tình cảm.

1.1.2. *Hợp tác*

Hợp tác là cùng chung sức giúp đỡ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó, nhằm một mục đích chung.

Sự hợp tác diễn ra ở các mặt: Thể hiện khả năng làm việc hiệu quả và tôn trọng với các nhóm đa dạng; Vận dụng tính linh hoạt và sẵn lòng giúp ích trong việc thực hiện các thỏa hiệp cần thiết để đạt được mục tiêu chung; Giả định trách nhiệm được chia sẻ đối với công việc hợp tác và các đóng góp cá nhân có giá trị được thực hiện bởi mỗi thành viên trong nhóm.

Hợp tác trong dạy học là sự kết hợp giữa tính tập thể và tính cá nhân thực

hiện các biện pháp có cơ sở khoa học để tổ chức, điều khiển các mối quan hệ vận động và phát triển theo một trật tự nhất định nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học.

Trong đó, giáo viên (GV) là người chỉ đạo hoạt động tự học của HS, giúp HS tự tìm ra tri thức qua quá trình cá nhân hóa và xã hội hóa. HS là chủ thể tích cực của hoạt động học tập. Qua hợp tác, HS trao đổi ý tưởng giúp nhau trong việc lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo và tự mình tìm kiếm tri thức bằng chính hành động của mình. Sự tác động giữa người dạy, người học và môi trường theo trật tự nhất định tạo nên sự thống nhất của quá trình dạy học, làm cho quá trình này vận động tạo ra tri thức, kỹ năng, thái độ và sự trưởng thành ở HS.

1.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh trong hoạt động nhóm

Hoạt động nhóm dùng khả năng của thành viên tạo nên sức mạnh tập thể, đem lại kết quả tốt mà một cá nhân không làm được hoặc làm được nhưng tính hiệu quả không cao.

Qua hoạt động nhóm, HS biết giao tiếp và hợp tác với nhau trên nhiều phương diện như: HS nêu được quan điểm của mình, nghe được quan điểm của bạn; hoạt động nhóm cho phép một cá nhân nhỏ lẻ vượt qua chính mình để đạt kết quả cao và kéo các thành viên khác cùng tham gia hoạt động nhóm; HS nhìn và xem xét giải quyết vấn đề sâu rộng và toàn diện hơn, từ đó kiến thức của mỗi thành viên sẽ bớt phần chủ quan và trở nên sâu sắc hơn; HS sẽ hào hứng hơn khi có sự đóng góp của mình vào thành quả chung; vốn hiểu biết, kinh nghiệm xã hội của HS thêm phong phú; kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tính khách quan khoa học, tư duy phê phán của HS được rèn luyện và phát triển.

Hoạt động nhóm giúp các thành viên trong nhóm không chỉ liên kết với nhau về mặt trách nhiệm mà còn có mối liên hệ tình cảm, đạo đức, lối sống; thành công của cá nhân chỉ mang ý nghĩa góp phần tạo nên sự thành công của nhóm. Trong hoạt động nhóm, HS không chỉ nhằm lĩnh hội nội dung – chương trình môn học, mà quan trọng là được thực hành và thể hiện, củng cố các kỹ năng xã hội (như kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi – trả lời, kỹ năng sử dụng ngữ điệu khi giao tiếp, ...). Từ đó, HS cùng nhau xây dựng nhận thức, thái độ mới trong học tập cũng như trong cuộc sống tốt hơn.

Tóm lại, năng lực giao tiếp và hợp tác sẽ được phát triển qua tổ chức hoạt động nhóm trong dạy học, đó là tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng; sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

1.3. Phân biệt về năng lực và kỹ năng

Năng lực là tập hợp toàn bộ các kỹ năng, kiến thức, khả năng, hành vi của một người có thể đáp ứng đối với một công việc nhất định nào đó, đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng để cá nhân có thể hoàn thành một việc nào đó hiệu quả hơn so với người khác.

Năng lực được tạo nên từ tư chất tự nhiên và do luyện tập, học hỏi, làm việc mà có.

Kỹ năng là khả năng vận dụng những kiến thức, hiểu biết của con người để thực hiện một việc gì đó, có thể là việc nghề nghiệp mang tính kỹ thuật, chuyên môn hoặc việc liên quan đến cảm xúc, sinh tồn giao tiếp,...

Kỹ năng không phải là khả năng đặc biệt cũng không phải kiến thức của bạn. Nó là sự thành thục, thông thạo một việc thông qua quá trình rèn luyện và đào tạo.

1.4. Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả

- *Có mục tiêu chung*
- *Giao tiếp hiệu quả*
- *Vai trò lãnh đạo*
- *Vai trò cá nhân*
- *Phân công hiệu quả*
- *Quản lí xung đột*
- *Sự tin tưởng*
- *Gắn kết*
- *Gương mẫu, tránh tiêu cực*
- *Kiểm tra*

1.5 Kỹ năng giao tiếp hiệu quả

Đây là kỹ năng được xem là yếu tố then chốt đối với sự phát triển toàn diện của một người, dù là trong công việc hay các mối quan hệ riêng tư. Vì vậy, nghệ thuật giao tiếp - hiểu người và làm cho người khác hiểu mình là một trong những kỹ năng quan trọng cần phải rèn luyện để thực sự thành công.. Vì vậy để giao tiếp có hiệu quả thì cần phải:

- *Học cách lắng nghe*
- *Bắt đầu làm quen*
- *Quan tâm đến cảm xúc của người khác*
- *Trình bày trôi chảy*
- *Không nên lặp từ*
- *Tranh ảnh có thể diễn đạt thay cả ngàn lời nói*
- *Học cách quản lý thời gian*
- *Sự động viên khích lệ*
- *Cố gắng giải quyết xung đột*
- *Duy trì thái độ tích cực và tươi cười*

1.6. Các cách chia nhóm

Tiêu chí	Cách thực hiện, ưu, nhược điểm
Các nhóm gồm những người tự nguyện chung mối quan tâm	<ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: Đối với học sinh thì đây là cách dễ chịu nhất để thành lập nhóm, đảm bảo công việc thành công nhất - Nhược điểm: Dễ tạo sự tách biệt giữa các nhóm trong lớp, vì vậy cách tạo nhóm như thế này không nên là khả năng duy nhất
Các nhóm ngẫu nhiên	<p>Bằng cách đếm số, phát thẻ, gấp thăm, sắp xếp theo màu sắc,...</p> <ul style="list-style-type: none"> -Ưu điểm: Các nhóm luôn luôn mới mẻ sẽ đảm bảo là tất cả các học sinh đều có thể học tập chung nhóm với tất cả các học sinh khác. - Nhược điểm: Nguy cơ có trục trặc tăng cao, học sinh phải sớm làm quen với việc đó để thấy rằng cách lập nhóm như thế này là bình thường
Nhóm ghép hình	<p>Xé nhỏ một bức tranh hoặc các tờ tài liệu cần xử lý, các học sinh được phát mẫu xé nhỏ, những học sinh ghép thành bức tranh hoặc tờ tài liệu đó sẽ tạo thành nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: Cách tạo nhóm kiểu vui chơi, không gây ra sự đối địch, đối kháng - Nhược điểm: Cần một tí chi phí để chuẩn bị và cần nhiều thời gian để lập thành nhóm
Các nhóm với những đặc điểm chung	<p>Ví dụ: Tất cả các học sinh được sinh ra trong mùa đông, mùa xuân, mùa hè, mùa thu sẽ tạo thành nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: Tạo lập nhóm một cách độc đáo, tạo ra niềm vui cho HS có thể biết nhau rõ hơn - Nhược điểm: Cách làm này mất đi tính độc đáo nếu được sử dụng thường xuyên
Các nhóm cố định trong một thời gian dài	<p>Các nhóm được duy trì trong một số tuần hoặc một số tháng. Các nhóm này thậm chí có thể được đặt tên riêng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: Cách làm này đã được chứng tỏ tốt trong những nhóm học tập có nhiều vấn đề - Nhược điểm: Sau khi đã quen nhau trong một thời gian dài thì việc lập các nhóm mới sẽ khó khăn.
Nhóm có HS khá	<p>Những học sinh khá giỏi trong lớp cùng luyện tập với các</p>

giỏi để hỗ trợ học sinh yếu kém	<p>học sinh yếu hơn và đảm nhận nhiệm vụ của người hướng dẫn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: Tất cả đều được lợi. Những học sinh khá giỏi đảm nhận trách nhiệm, những học sinh yếu kém được giúp đỡ - Nhược điểm: Ngoài việc mất thời gian thì chỉ có ít nhược điểm, trừ phi những học sinh khá giỏi hướng dẫn sai
Phân chia theo năng lực học tập khác nhau	<p>Những học sinh yếu hơn sẽ xử lý các bài tập cơ bản, những học sinh khá giỏi sẽ nhận được thêm các bài tập bổ sung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: Học sinh có thể xác định mục đích của mình. Ví dụ, ai bị điểm kém trong môn toán thì có thể tập trung vào một số ít bài tập - Nhược điểm: Cách làm này dẫn đến kết quả là nhóm học tập cảm thấy bị chia thành những học sinh thông minh và những học sinh kém
Phân chia theo các dạng học tập	<p>Được áp dụng thường xuyên khi học tập theo tình huống, những học sinh thích học tập với hình ảnh, âm thanh hoặc biểu tượng sẽ nhận được những bài tập tương ứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: Học sinh sẽ biết các em thuộc dạng học tập như thế nào? - Nhược điểm: Học sinh chỉ học những gì mình thích và bỏ qua những nội dung khác.
Nhóm với các bài tập khác nhau	<p>Ví dụ: Trong khuôn khổ một dự án, một số học sinh sẽ khảo sát một xí nghiệp sản xuất, một số khác khảo sát cơ sở chăm sóc xã hội...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: Tạo điều kiện học tập theo kinh nghiệm đối với những gì đặc biệt quan tâm. - Nhược điểm: Thường chỉ áp dụng trong khuôn khổ một dự án lớn
Phân chia học sinh nam và nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm: Có thể thích hợp nếu học về những chủ đề đặc trưng cho học sinh nam và nữ, ví dụ trong giảng dạy về tình dục chủ đề lựa chọn nghề nghiệp... - Nhược điểm: Nếu bị lạm dụng có thể dẫn đến mất bình đẳng nam nữ

II. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thực trạng của việc tổ chức hoạt động nhóm trong dạy học

- Thực tiễn về năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh

Hiện nay, với sự phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt công nghệ thông tin, năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh có nhiều thay đổi.

Về năng lực giao tiếp, học sinh được tiếp xúc với nhiều loại ngôn ngữ, mạng truyền thông, được rèn luyện kỹ năng giao tiếp qua nhiều kênh phong phú (tại trường, qua mạng, giao tiếp thường ngày) nên nhiều em có năng lực giao tiếp tốt hơn, mạnh dạn hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực thì năng lực giao tiếp hiện nay ở học sinh vẫn có nhiều bất cập, như là: một số em không biết cách diễn đạt, thờ ơ với người khác, không nói lên chính kiến trước các vấn đề có liên quan đến bản thân, nổi bật nhất là tình trạng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp chưa tốt. Một số HS có biểu hiện sự thô lỗ, cộc cằn, thiếu lịch sự tế nhị trong giao tiếp, sử dụng nhiều tiếng lóng, tiếng bồi trong giao tiếp. sử dụng ngôn ngữ tùy tiện, tối nghĩa, dung tục, ...

Tương tự năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác được thể hiện tốt ở nhiều học sinh do sự mạnh dạn, chủ động, giao tiếp tốt. Bên cạnh đó, một số học sinh không có tinh thần hợp tác với bạn bè, giờ ra chơi là mở điện thoại, không giao lưu với ai, hầu như chỉ làm bạn với điện thoại, trong học tập thiếu sự tương tác với nhóm học tập.

- Việc tổ chức hoạt động nhóm trong hoạt động giảng dạy

Thực hiện đổi mới trong tổ chức dạy học, trong hoạt động giảng dạy, các trường đều đã chỉ đạo GV đổi mới tổ chức dạy học, trong đó có tổ chức hoạt động nhóm.

Với nhiều cách thiết kế khác nhau phù hợp với nội dung từng bài học, hoạt động nhóm được tổ chức đã góp phần nâng cao chất lượng dạy - học.

Bên cạnh các GV tích cực tổ chức hoạt động nhóm cho học sinh thì vẫn có GV ngại đổi mới phương pháp, dạy theo phương pháp truyền thống nên chưa phát triển được năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh.

2.2. Khảo sát ý kiến của giáo viên về việc đổi mới phương pháp dạy học trong giai đoạn hiện nay

Việc vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học nói chung và dạy học hóa học và ngữ văn nói riêng là rất cần thiết trong việc nâng cao hứng thú học tập cho học sinh, góp phần phát triển các kỹ năng và năng lực, là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng học tập. Tuy nhiên tại các trường THPT hiện nay giáo viên hầu như rất ít vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực hoặc nếu có vận dụng cũng không thường xuyên, không đa dạng và chỉ mang tính hình thức trong các tiết thao giảng. Một phần lý do là nhiều giáo viên còn thờ ơ hoặc còn bỡ

ngõ chưa nắm được về các kỹ thuật dạy học tích cực, chưa được thực hành sử dụng chúng

Để minh họa cho điều này tôi đã làm khảo sát nhỏ đối với giáo viên và có được một số kết quả như sau:

Tiến hành khảo sát thực trạng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh cho 100 giáo viên bất kỳ tại ba trường THPT bao gồm THPT Nghi Lộc V, THPT Nghi Lộc II, THPT Nghi lộc IV.

Tôi đã tiến hành tổng hợp và đưa ra bảng số liệu sau:

Câu 1: Thầy cô đã tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông mới như thế nào?

Đã tìm hiểu kỹ	70/100
Mới tìm hiểu qua	30/100
Chưa tìm hiểu	0/100

Câu 2: Thầy cô đã tìm hiểu về các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực như thế nào?

Đã tìm hiểu kỹ các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và đang vận dụng hiệu quả vào dạy học.	20/100
Đã tìm hiểu về các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và tình thoảng sử dụng.	60/100
Đã tìm hiểu về các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và chưa sử dụng.	20/100
Chưa tìm hiểu về các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực	0/100

Câu 3: Trong quá trình vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực thầy cô cảm thấy có những lợi ích nào?

Giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức các hoạt động cho học sinh chiếm lĩnh tri thức hạn chế được việc thuyết trình một chiều - GV đánh giá được học sinh theo nhiều chiều hơn. - GV nhìn nhận được các điểm mạnh yếu của học sinh trong quá trình làm việc nhóm
Học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh chủ động hơn trong học tập - Học sinh rèn luyện được các kỹ năng khi làm việc nhóm - Tăng tính đoàn kết trong tập thể lớp

- Học sinh hứng thú hơn trong học tập

Câu 4: Trong quá trình vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực thầy cô cảm thấy có những khó khăn gì?

Giáo viên	- Không gian lớp học - Thời gian của các hoạt động - Khâu chuẩn bị cho các hoạt động - Kinh phí để chuẩn bị - Trình độ học tập của các lớp không đồng đều
Học sinh	- Phân công nhiệm vụ - Thuyết trình nội dung - Kỹ năng đánh giá

Câu 5: Thầy (cô) đã quan tâm đến việc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh trong quá trình dạy học?

Rất quan tâm	30/100
Quan tâm	60/100
Không quan tâm	10/100

Qua bảng số liệu ở trên chúng ta có thể nhận thấy giáo viên đều đã được tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông mới, về đổi mới phương pháp dạy học. Tuy nhiên mức độ quan tâm của giáo viên ở các nội dung tập huấn là khác nhau. Cụ thể:

+ Về chương trình giáo dục phổ thông mới thì đa số giáo viên đã chủ động chuẩn bị kỹ cho chương trình.

+ Về việc sử dụng các phương pháp kỹ thuật dạy học giáo viên đã bắt đầu áp dụng trong dạy học nhưng chưa thường xuyên. Chủ yếu tập trung vào các tiết thao giảng hoặc chủ đề.

+ Về việc chú trọng phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác trong dạy học đã được giáo viên quan tâm.

+ Khảo sát ta cũng thấy được việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học cũng gặp rất nhiều khó khăn đòi hỏi người giáo viên phải bỏ ra rất nhiều thời gian và công sức. Chính vì vậy tâm lý giáo viên còn ngại sử dụng và chỉ sử dụng khi liên quan đến thao giảng, thi giáo viên giỏi.

Chương 2: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC CHO HỌC SINH THPT BẰNG VIỆC SỬ DỤNG CÁC KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC.

I. Kỹ thuật sơ đồ tư duy

1.1. Cơ sở lý thuyết

Lược đồ tư duy (còn được gọi là bản đồ khái niệm) là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề. Lược đồ tư duy có thể được viết trên giấy, trên bảng hay thực hiện trên máy tính.

- Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.
- Từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề, viết bằng chữ in hoa. Nhánh và chữ viết trên đó được vẽ và viết cùng một màu. Nhánh chính đó được nối với chủ đề trung tâm. Chỉ sử dụng các thuật ngữ quan trọng để viết trên các nhánh.
- Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường.
- Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

Cách làm: Đây là 7 bước thành lập bản đồ tư duy do Tony Buzan giới thiệu

- (1) Bắt đầu từ trung tâm tờ giấy
- (2) Dùng một hình ảnh hay bức tranh cho ý tưởng trung tâm
- (3) Luôn sử dụng màu sắc
- (4) Nối các nhánh chính đến hình ảnh trung tâm và nối các nhánh cấp 2, cấp 3..... với nhánh cấp 1, cấp 2...để tạo ra sự liên kết
- (5) Vẽ nhiều nhánh cong hơn đường thẳng
- (6) Sử dụng một từ khóa trong mỗi dòng
- (7) Dùng những hình ảnh xuyên suốt

Ứng dụng

Sử dụng bản đồ tư duy góp phần rèn luyện phương pháp học tập hiệu quả cho học sinh. Bản đồ tư duy chính là công cụ tư duy, là phương pháp khai thác tối đa năng lực của não bộ, đặc biệt là năng lực sáng tạo, từ đó xóa bỏ dần lối học gạo, học vẹt.

Bản đồ tư duy giúp học sinh học tập tích cực chủ động. Trong quá trình thành lập bản đồ tư duy, học sinh phải độc lập suy nghĩ, rà soát kiến thức, liên tưởng, phân tích, khái quát hóa để phát hiện mối liên hệ bản chất của sự vật, hiện tượng và phản ánh mối liên hệ đó lên bản đồ thông qua hệ thống ký tự, hình ảnh, màu sắc của cá nhân mà không chịu sự gò ép theo khuôn mẫu của giáo viên.

Phương pháp này còn phát huy tối đa tính sáng tạo và phản ánh đậm nét cá tính của học sinh thông qua trí tưởng tượng, óc thẩm mỹ, năng khiếu hội họa cũng như góp phần cá thể hóa quá trình đào tạo.

Bản đồ tư duy giúp học sinh ghi chép và ghi nhớ thông tin hiệu quả hơn. bản đồ tư duy với hình ảnh màu sắc sinh động đã xóa đi sự nhàm chán, đơn điệu và buồn tẻ của phương pháp ghi bài truyền thống theo dòng kẻ.

Lược đồ tư duy có thể ứng dụng trong nhiều tình huống khác nhau như:

- Tóm tắt nội dung, ôn tập một chủ đề;
- Trình bày tổng quan một chủ đề;
- Chuẩn bị ý tưởng cho một báo cáo hay buổi nói chuyện, bài giảng;
- Thu thập, sắp xếp các ý tưởng;
- Ghi chép khi nghe bài giảng.

Với những hiệu quả trên, phương pháp bản đồ tư duy đã và sẽ góp phần quan trọng trong việc đổi mới phương pháp dạy học, hướng tới dạy học lấy học sinh làm trung tâm và quá trình cá thể hóa người học. Đồng thời bản đồ tư duy còn là phương pháp giúp học sinh tăng cường khả năng tự học, nhằm thực hiện mục tiêu biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo và học tập suốt đời của con người.

1.2. Thiết kế hoạt động dạy học có sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy

1.2.1. Áp dụng cho môn hóa

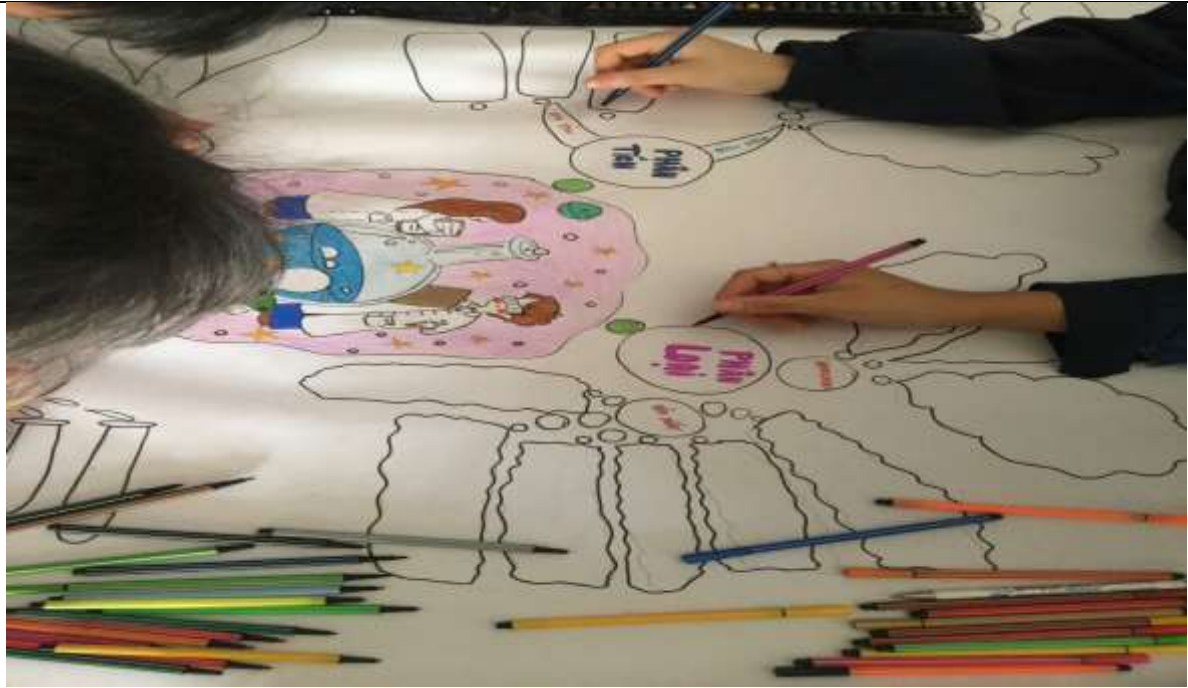
Tổ chức nghiên cứu nội dung:

Luyện tập: Hợp chất hữu cơ, công thức phân tử và công thức cấu tạo.

a. Cách thức tổ chức

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương pháp đánh giá
Mục tiêu		
1. Kiến thức:		
- Củng cố phương pháp thiết lập công thức phân tử, công thức đơn giản nhất hợp chất hữu cơ.		
- Khái niệm HCHC, phân loại HCHC		
2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng lập CTPT theo 3 cách:		
- Từ CTĐGN		
- Từ thành phần phần trăm các nguyên tố		

- Tính từ lượng sản phẩm thu được		
Nhiệm vụ 1: Giáo viên giao nhiệm vụ học tập qua Zalo của học sinh		
<p>- Gv chia lớp thành 6 nhóm và thực hiện các nội dung sau</p> <p>+ Nhóm 1,4: Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài: Đại cương về hóa hữu cơ</p> <p>+ Nhóm 2,5: Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài công thức phân tử hợp chất hữu cơ</p> <p>+ Nhóm 3,6: Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ</p> <p>- Mỗi nhóm chuẩn bị 3 bài tập tự luận theo các mức độ: nhận biết thông hiểu, vận dụng và theo nguyên tắc sau.</p> <p>+ <i>Nhóm nghiên cứu bài đại cương về hóa hữu cơ thì chuẩn bị 3 câu hỏi cho bài công thức phân tử hợp chất hữu cơ, 3 bài cho bài cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ. (Các nhóm khác chuẩn bị theo nguyên tắc giống nhóm trên)</i></p> <p>Các nhóm tổ chức họp nhóm chuẩn bị nội dung bài ở nhà để chuẩn bị nội dung tiết luyện tập</p>	<p>- Mỗi nhóm sẽ có 1 sơ đồ tư duy theo sự phân công</p>	<p>- Đánh giá quá trình hoạt động nhóm của học sinh (thông qua vi deo học sinh gửi khi hoạt động nhóm)</p> <p>- Đánh giá thông qua quá trình các thành viên nhóm tham gia trong quá trình làm việc nhóm (Có bảng chấm cho các tổ)</p>



Nhiệm vụ 2: Trình bày sơ đồ tư duy tại lớp

<p>GV chia lớp thành 2 cụm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cụm 1: Nhóm 1,2,3 + Cụm 2: Nhóm 4,5,6 <p>GV cho lần lượt các nhóm treo sơ đồ tư duy của nhóm mình tại 6 điểm trong lớp học (chú ý phân chia vị trí sao cho các cụm di chuyển dễ dàng).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi nhóm sẽ cử 1 đại diện đứng tại vị trí nhóm mình được phân công để trình bày cho các nhóm trong cụm nghe - Các thành viên còn lại trong mỗi nhóm sẽ di chuyển theo vòng nhóm 1 sang vị trí nhóm 2, nhóm 2 sang vị trí nhóm 3, nhóm 3 sang vị trí nhóm 1. Tương tự như thế cho cụm 2. Nhóm 4 sang nhóm 5, nhóm 5 	<p>Các nhóm có sản phẩm trình bày, có thành viên thuyết trình nội dung</p>	<p>Đánh giá thông qua bảng chấm đã chuẩn bị sẵn</p>
---	--	---

sang nhóm 6, nhóm 6 sang nhóm 4.
Các thành viên sẽ di chuyển theo nhóm sao cho đi hết lần lượt các nội dung trong cụm nhóm của mình.

- Sau khi nghe các nhóm trình bày thì giáo viên cho học sinh chấm điểm sản phẩm của các nhóm và lựa chọn những nhóm chuẩn bị tốt nhất trong mỗi cụm

(Tiêu chí chấm có quy định rõ ràng)



Nhiệm vụ 3: Tổ chức giải bài tập các nhóm giao cho nhau

Các nhóm giao bài tập cho nhau:

Ví dụ: Nhóm 1 giao nhiệm vụ cho nhóm 2, 3. Nhóm 2 giao nhiệm vụ cho nhóm 1, 3. Nhóm 3 giao nhiệm vụ cho nhóm 1,2.

Chú ý giao bài tập theo cụm.

Sản phẩm là các đáp án của các bài tập giao lại cho nhóm ra đề

- Các nhóm ra đề chăm và công bố nhóm làm nhanh nhất và đúng nhất



Nhiệm vụ 4: Giáo viên nhận xét

GV sau khi cho học sinh thực hiện xong mọi hoạt động ở trên sẽ tiến hành nhận xét.

- Gv nhận xét về quá trình làm việc tại nhóm của học sinh thông qua video
- Gv nhận xét về quá trình thuyết trình của các nhóm
- Gv nhận xét về sản phẩm của các nhóm
- Gv nhận xét về quá trình học tập của các học sinh trong lớp.

Sản phẩm chính là các video, các sơ đồ, các phiếu chấm điểm ...

- Đánh giá toàn bộ quá trình học của học sinh.

Một số chú ý trong quá trình tổ chức sao cho hiệu quả

- Trong quá trình tổ chức cho học sinh chấm điểm các thành viên của nhóm thì giáo viên giao cho học sinh trước phiếu chấm trong nhóm zalo và yêu cầu học sinh chấm tại nhà.
- Về quá trình chấm điểm về sơ đồ tư duy giáo viên cũng cho học sinh nộp sản phẩm trên nhóm zalo cho các nhóm khác xem trước và đánh giá qua sản phẩm trước khi đến lớp.
- Việc chấm sơ đồ tư duy sẽ chấm theo nhóm và học sinh trong các thành viên trong nhóm sẽ tự thống nhất với nhau số điểm chung của các nhóm còn lại.

b. Hồ sơ học tập (Phụ lục)

- ❖ Các sơ đồ tư duy
- ❖ Bảng chấm quá trình làm việc nhóm, bảng chấm nội dung các nhóm trình bày

1.2.2. Áp dụng cho môn Văn học

Tổ chức ôn tập phần Văn học 12 – Học kỳ 2.

a. Cách tổ chức

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương pháp đánh giá
Mục tiêu		
1. Kiến thức: Ôn tập về nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm văn học Việt Nam được học ở Học kì II lớp 12 giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.		
2. Kỹ năng:		
- <i>Kỹ năng tổng hợp:</i> có kỹ năng tổng hợp, khái quát vấn đề.		
- <i>Kỹ năng trình bày vấn đề:</i> có kỹ năng trình bày các vấn đề trong văn học, cuộc sống.		
3. Năng lực:		
- Biết cách tổng hợp kiến thức bằng sơ đồ tư duy.		
- Năng lực hợp tác, sáng tạo và giải quyết vấn đề		
Nhiệm vụ 1: Giáo viên giao nhiệm vụ học tập qua Zalo của học sinh		
- Gv chia lớp thành 5 nhóm và thực hiện các nội dung sau + Nhóm 1: Vẽ sơ đồ tư duy nội dung	- Mỗi nhóm sẽ vẽ 1 sơ đồ tư duy theo sự phân	- Đánh giá quá trình hoạt động nhóm của học sinh

<p>bài học: Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài.</p> <p>+ Nhóm 2: Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học: Vợ nhặt của Kim Lân</p> <p>Nhóm 3: Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học: Rừng Xà Nu của Nguyễn Trung Thành.</p> <p>+ Nhóm 4: Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học: Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi.</p> <p>Nhóm 5: Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học: Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu.</p>	<p>công</p>	<p>(thông qua video học sinh gửi khi hoạt động nhóm)</p>
---	-------------	--



Nhiệm vụ 2: Trình bày sơ đồ tư duy tại lớp

- Gv cho lần lượt các nhóm treo kết quả nhóm mình tại 5 điểm trong lớp học.
 - Mỗi nhóm sẽ cử 1 đại diện lên trình bày sản phẩm của nhóm mình cho cả lớp nghe.
 - Các nhóm còn lại lắng nghe và cho ý kiến góp ý.
 - Sau khi nghe các nhóm trình bày thì giáo viên cho học sinh chấm điểm sản phẩm của các nhóm và lựa chọn những nhóm có sản phẩm tốt nhất để trao thưởng.
- (Tiêu chí chấm có quy định rõ ràng)

- Các nhóm có sản phẩm trình bày, có thành viên thuyết trình nội dung

- Đánh giá thông qua bảng chấm đã chuẩn bị sẵn



Nhiệm vụ 3: Giáo viên nhận xét		
<ul style="list-style-type: none"> - Gv sau khi cho học sinh thực hiện xong mọi hoạt động ở trên sẽ tiến hành nhận xét. - Gv nhận xét về quá trình làm việc tại nhóm của học sinh thông qua video - Gv nhận xét về quá trình thuyết trình của các nhóm - Gv nhận xét về sản phẩm của các nhóm - Gv nhận xét về quá trình học tập của từng em học sinh trong lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm chính là các video, các sơ đồ, các phiếu chấm điểm ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá toàn bộ quá trình học của học sinh.
Một số chú ý trong quá trình tổ chức dạy học		
<ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình tổ chức cho học sinh chấm điểm các thành viên của nhóm thì giáo viên giao cho học sinh trước phiếu chấm trong nhóm zalo và yêu cầu học sinh chấm tại nhà. - Về quá trình chấm điểm về sơ đồ tư duy giáo viên cũng cho học sinh nộp sản phẩm trên nhóm zalo cho các nhóm khác xem trước và đánh giá qua sản phẩm trước khi đến lớp. - Việc chấm sơ đồ tư duy sẽ chấm theo nhóm và học sinh trong các thành viên trong nhóm sẽ tự thống nhất với nhau số điểm chung của các nhóm còn lại. 		

b. Hồ sơ học tập (Phụ lục)

- ❖ Các sơ đồ tư duy
- ❖ Bảng chấm quá trình làm việc nhóm, bảng chấm nội dung các nhóm trình bày

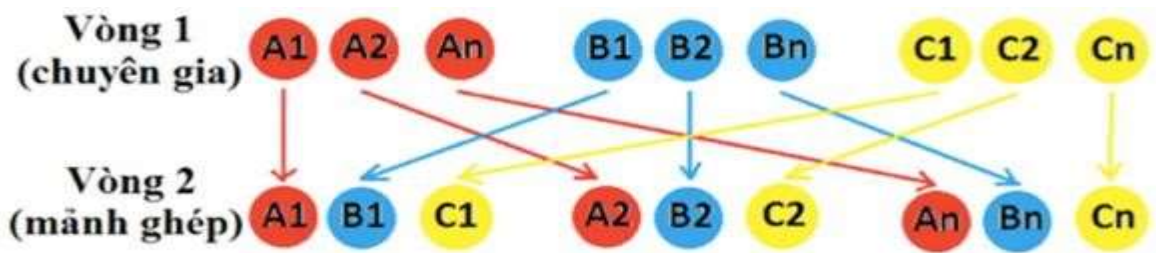
II. Kỹ thuật mảnh ghép

2.1. Cơ sở lý thuyết

Kĩ thuật “Các mảnh ghép” là hình thức học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm:

- Giải quyết một nhiệm vụ phức hợp (có nhiều chủ đề)
- Kích thích sự tham gia tích cực của HS:
- Nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (không chỉ hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 1 mà còn phải truyền đạt lại kết quả vòng 1 và hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 2)

Cách tiến hành kỹ thuật “Các mảnh ghép”



Vòng 1: Nhóm chuyên gia

+ Hoạt động theo nhóm 3 đến 8 người [số nhóm được chia = số chủ đề x n (n = 1,2,...)]

+ Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ [Ví dụ: nhóm 1: nhiệm vụ A; nhóm 2: nhiệm vụ B; nhóm 3: nhiệm vụ C,... (có thể có nhóm cùng nhiệm vụ)]

Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình

+ Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành “chuyên gia” của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu hỏi của nhóm ở vòng 2.

Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép

+ Hình thành nhóm 3 đến 8 người mới (1 - 2 người từ nhóm 1, 1 - 2 người từ nhóm 2, 1 - 2 người từ nhóm 3...).

+ Các câu hỏi và thông tin của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.

+ Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết.

+ Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ, trình bày và chia sẻ kết quả

2.2. Thiết kế hoạt động dạy học có sử dụng kỹ thuật mảnh ghép.

2.2.1. Áp dụng cho môn hóa

Tổ chức nghiên cứu nội dung tính chất hóa học hợp chất của cacbon

a. Cách thức tổ chức

**Nhiệm vụ 1: TÌM HIỂU VỀ TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA CÁC HỢP CHẤT CỦA CACBON (CO, CO₂, AXITCACBONIT VÀ MUỐI CACBONAT)
(Nhóm chuyên gia)**

Mục tiêu:

HS biết được những kiến thức liên quan đến tính chất các hợp chất của cacbon

gồm:

- CO là oxit không tạo muối, khử được nhiều oxit kim loại ở nhiệt độ cao.
- CO₂ có những tính chất hóa học của oxit axit
- H₂CO₃ là axit yếu, không bền
- Tính chất hoá học của muối cacbonat (tác dụng với dung dịch axit, dung dịch bazơ, dung dịch muối khác, bị nhiệt phân huỷ)
- Viết các phương trình hoá học thể hiện TCHH của CO, CO₂; muối cacbonat.
- Nhận biết khí CO₂, một số muối cacbonat cụ thể.
- Tính thành phần phần trăm thể tích khí CO và CO₂ trong hỗn hợp.

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương án đánh giá
<p>GV chia 6 nhóm chuyên gia, mỗi nhóm 7-8 HS. Trong mỗi nhóm cho hs bắt thứ tự 1,2,3 và ghi vào trên vở học</p> <p>Chú ý trong bước chuẩn bị chia nhóm mảnh ghép</p> <ul style="list-style-type: none">- Do số lượng học sinh trong nhóm không đều nên trong quá trình chuẩn bị phiếu thì giáo viên chuẩn bị nhiều nhóm phiếu sao cho tổng số học sinh trong mỗi nhóm của mỗi cụm là tương đối đều nhau. Ví dụ có thể có cụm 3 thẻ mang số 1. Cụm khác có 3 thẻ mang số 2 hoặc số 3- Phụ thuộc vào nội dung, thời lượng của bài học thì giáo viên có nhiều cách để chia nhóm cho mảnh ghép từ nhóm chuyên gia. Có thể thông qua việc cho học sinh bắt mẫu giấy màu, có thể thông qua các lá bài, cũng có thể qua 1 trò chơi tổ chức trước đó....- Cho lớp ngồi theo 2 cụm: +Cụm 1 gồm 3 nhóm 1,3,5. +Cụm 2 gồm 3 nhóm 2,4,6	<p>Hoàn thành phiếu học tập của các nhóm đảm bảo mục tiêu trên.</p>	<p>GV đánh giá thông qua quan sát (qua hoạt động nhóm, qua bài làm trong phiếu học tập, qua thảo luận).</p> <ul style="list-style-type: none">- GV đánh giá qua bảng kiểm.

GV thông báo công việc mỗi nhóm

Cụ thể:

- Nhóm 1,2: Nghiên cứu phiếu học tập số 1(Tính chất hóa học của CO)
- Nhóm 3,4: Nghiên cứu phiếu học tập số 2(Tính chất hóa học của CO₂)
- Nhóm 5,6: Nghiên cứu phiếu học tập số 3 (Tính chất hóa học của axit cacbonic và muối cacbonat)

HS tìm hiểu qua tài liệu, thảo luận sau đó trình bày nội dung của nhóm vào giấy A0

GV quan sát các nhóm làm việc, ghi lại những điểm tốt, những thiếu sót trong quá trình làm việc của các nhóm để nhận xét, thảo luận sau đó.

Cách bố trí học sinh ngồi theo nhóm chuyên gia như sau

Nhóm 1(2 bàn)
Nhóm 3(2 bàn)
Nhóm 5(2 bàn)
Cụm 1(nhóm 1,3,5)

Nhóm 2(2 bàn)
Nhóm 4(2 bàn)
Nhóm 6(2 bàn)
Cụm 2(Nhóm 2,4,6)



Cách di chuyển và làm việc trong nhóm mảnh ghép như sau:

- Những học sinh mang số 1 sẽ di chuyển ngồi vị trí của nhóm nghiên cứu tính chất của CO.

- Những học sinh mang số 2 sẽ di chuyển ngồi vị trí của nhóm nghiên cứu tính chất của CO₂.
- Những học sinh mang nhóm 3 sẽ di chuyển ngồi vị trí của nhóm nghiên cứu tính chất của axitcacbonic và muối cacbonat.
- Sau khi các nhóm hoàn thành việc di chuyển thì sẽ cử các đại diện nghiên cứu các nội dung đã làm ở nhóm chuyên gia trình bày cho các thành viên mới trong nhóm ghép nghe. Đồng thời các thành viên còn lại trên cơ sở bạn trình bày hoàn thành phiếu học tập số 4.
- Khi hết thời gian trình bày các nhóm sẽ luân phiên các nội dung theo vòng tròn
 Cụm 1: Nhóm 1 chuyển cho nhóm 3, nhóm 3 chuyển cho nhóm 5, nhóm 5 chuyển cho nhóm 1. Lặp lại vòng mới.
 Cụm 2: Nhóm 2 chuyển cho nhóm 4, nhóm 4 chuyển cho nhóm 6, nhóm 6 chuyển cho nhóm 2. Lặp lại vòng mới.



Nhiệm vụ 2: TỔNG HỢP KIẾN THỨC VỀ TÍNH CHẤT HỢP CHẤT CỦA CACBON
(Nhóm mảnh ghép)

Mục tiêu: Tất cả HS các nhóm lĩnh hội được toàn bộ kiến thức mà các thành viên của nhóm chuyên gia thuyết trình.

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương án đánh giá
Mỗi bạn trong nhóm chuyên gia thuyết trình kết quả của nhóm mà mình phụ trách.	Từng học sinh hoàn thành phiếu học tập số 4	GV đánh giá thông qua quan sát (qua thuyết trình, qua hoàn

		thành phiếu học tập số 4) GV đánh giá bằng kết quả phiếu học tập
--	--	---



Nhiệm vụ 3: KIỂM TRA KIẾN THỨC VÀ HOÀN THIỆN

Mục tiêu: Tất cả HS các nhóm lĩnh hội được toàn bộ kiến thức qua việc trình bày của một số bạn trên bảng

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương án đánh giá
<p>GV: Cử một HS đại diện thuyết trình ngắn gọn kiến thức về tính chất hóa học của CO</p> <p>Một HS đại diện thuyết trình ngắn gọn kiến thức về tính chất hóa học của CO₂</p> <p>Một HS đại diện thuyết trình ngắn gọn kiến thức về tính chất hóa học của AXIT CACBONIC VÀ MUỐI CACBONAT</p> <p>GV: Bổ sung thêm một số kiến thức:</p>	Bài thuyết trình của HS	GV đánh giá thông qua thuyết trình.

<p>- CO₂ không dùng để dập tắt các đám cháy một số kim loại như Mg, Al</p> <p>- Cách làm các bài toán CO₂ tác dụng với dung dịch kiềm:</p> <p>Cho chất tham gia hỏi sản phẩm.</p> <p>- Các PTHH của các phản ứng xảy ra</p> $\text{CO}_2 + \text{OH}^- \rightarrow \text{HCO}_3^-$ $\text{CO}_2 + 2\text{OH}^- \rightarrow \text{CO}_3^{2-} + \text{H}_2\text{O}$ <p>Đặt $T = n_{\text{OH}^-} / n_{\text{CO}_2}$:</p> <p>+ Nếu $T \leq 1 \rightarrow$ tạo muối duy nhất HCO_3^-</p> <p>+ Nếu $1 < T < 2 \rightarrow$ tạo hỗn hợp hai muối HCO_3^- và CO_3^{2-}</p> <p>+ Nếu $T \geq 2 \rightarrow$ tạo muối duy nhất CO_3^{2-}</p> <p>- Xác định sản phẩm nào được tạo thành bằng các tính giá trị T.</p> <p>- Nếu tạo thành hỗn hợp hai muối thường ta giải bằng cách lập hệ PT hoặc sử dụng bảo toàn nguyên tố.</p>		
--	--	--

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP
Qua trò chơi trực tuyến quizizz

Mục tiêu: Tất cả HS vận dụng được kiến thức để trả lời các câu hỏi. Qua đó lĩnh hội các kiến thức đã học.

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương án đánh giá
<p>GV chuẩn bị hệ thống câu hỏi trên quizizz. Sau đó gửi đường link vào nhóm zalo. Hs sau khi học xong sẽ click vào link và làm bài</p> <p>GV lựa chọn 5 bạn trả lời đúng</p>	<p>Câu trả lời của HS</p>	<p>GV đánh giá thông qua câu trả lời của HS và kết quả của trò chơi.</p>

nhất và nhanh nhất lấy điểm kiểm tra thường xuyên.

Tên người tham gia	Điểm số	Q1	Q2	Q3	Q4	Q5	Q6	Q7	Q8	Q9	Q10	Q11	Q12
1 Nguyễn Văn Thôn	14670 (100%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
2 Hoàng Thị Anh Thư	14370 (100%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
3 Trà Mỹ Trần Thị	14170 (100%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
4 Phạm Thị Yến Phương	13930 (100%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
5 Trần Thùy Tiên	13690 (93%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✓
6 Cao Thị Mỹ Hạnh	13580 (93%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✓
7 Nguyễn Thị Trà My	13450 (93%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✓
8 Nguyễn Thị Anh Thơ	12980 (93%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✓
9 Đinh Thị Kiều Trang	12940 (93%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✓
10 Nguyễn Thị Ngô	12920 (93%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✓
11 Nguyễn Văn Thôn	12780 (87%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✗
12 Ngô Thị Hoa	12480 (87%)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✗

b. Hồ sơ dạy học (Phụ lục)

- ❖ Phiếu học tập số 1, 2, 3, 4
- ❖ Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm
- ❖ Bảng kiểm đánh giá quá trình hoàn thành phiếu học tập

2.2.2. Áp dụng cho môn Ngữ Văn

Tổ chức tìm hiểu về nhân vật Tràng (Đọc hiểu tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân).

a. Cách thức tổ chức

Nhiệm vụ 1: TÌM HIỂU VỀ NHÂN VẬT TRÀNG (Nhóm chuyên gia)		
<p>• Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp HS hiểu được hoàn cảnh sống, ngoại hình, tính cách của nhân vật Tràng. - Diễn biến tâm trạng của nhân vật - Những phẩm chất, khát vọng của nhân vật ẩn sau ngôn ngữ, hành động... - Những thay đổi của nhân vật trong buổi sáng hôm sau - Rút ra được thông điệp mà nhà văn muốn gửi gắm qua nhân vật 		
Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương án đánh giá
Chia lớp thành 8 nhóm nhỏ mỗi nhóm từ 5-6 bạn. Trong mỗi nhóm cho hs bắt thứ tự 1,2,3, 4,5.... và	Hoàn thành phiếu học tập của các nhóm đảm bảo mục	GV đánh giá thông qua quan sát (qua hoạt động nhóm, qua

<p>ghi vào trên vở học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho lớp ngồi theo 2 cụm: +Cụm 1 gồm 3 nhóm 1,3,5,7 +Cụm 2 gồm 3 nhóm 2,4,6,8 - Chia nội dung nghiên cứu như sau:(Nhóm chuyên gia) + Nhóm 1,2: Lai lịch, hoàn cảnh sống, ngoại hình, tính cách của nhân vật? (Phiếu học tập số 1). + Nhóm 3,4: Diễn biến tâm trạng của anh Tràng trên đường về nhà. (Phiếu học tập số 2). + Nhóm 5,6: Diễn biến tâm trạng của anh Tràng khi về đến nhà. (Phiếu học tập số 3). + Nhóm 7,8: Diễn biến tâm trạng của anh Tràng trong buổi sáng hôm sau. (Phiếu học tập số 4) <p>Sau đó GV yêu cầu mỗi nhóm hoàn thành nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1,2: Hoàn thành phiếu học tập số 1 - Nhóm 3,4: Hoàn thành phiếu học tập số 2 - Nhóm 5,6: Hoàn thành phiếu học tập số 3 - Nhóm 7,8: Hoàn thành phiếu học tập số 4 <p>HS tìm hiểu, thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập sau đó trình bày nội dung của nhóm vào giấy A4</p> <p>GV quan sát các nhóm làm việc, ghi lại những điểm tốt, những thiếu sót trong quá trình làm việc</p>	<p>tiêu trên.</p>	<p>bài làm trong phiếu học tập, qua thảo luận).</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá qua bảng kiểm.
--	-------------------	--

của các nhóm để nhận xét, thảo luận sau đó.



Chia nhóm mảnh ghép như sau: Hs quan sát sơ đồ giáo viên đã chuẩn bị sẵn và di chuyển về các nhóm ghép mới

Nhiệm vụ 2: TÌM HIỂU VỀ NHÂN VẬT TRÀNG (Nhóm mảnh ghép)

Mục tiêu: Tất cả HS các nhóm lĩnh hội được toàn bộ kiến thức mà các thành viên của nhóm chuyên gia thuyết trình.

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương án đánh giá
<p>- Sau khi các nhóm hoàn thành xong nhiệm vụ ở nhóm chuyên gia, giáo viên yêu cầu các nhóm di chuyển theo cụm để về nhóm ghép mới.</p> <p>Những người mang số 1 sẽ ngồi vị trí bàn số 1. Những người mang số 2 sẽ di chuyển ngồi vị trí bàn số 2. Những người mang nhóm 3</p>	<p>Các nhóm hoàn thành phiếu học tập số 5</p>	<p>GV đánh giá thông qua quan sát (qua thuyết trình, qua hoàn thành phiếu học tập số 5)</p> <p>GV đánh giá bằng bảng kiểm</p>

sẽ di chuyển ngồi vị trí bàn số 3.
Những người mang số 4 sẽ di chuyển ngồi ở vị trí bàn số 4.

(Vị trí các bàn đã được GV quy ước và đánh số thứ tự)

- Sau khi các nhóm di chuyển xong thì mỗi bạn trong nhóm chuyên gia sẽ thuyết trình kết quả của nhóm mà mình phụ trách cho các thành viên mới trong nhóm ghép nghe. Đồng thời các thành viên còn lại trên cơ sở bạn trình bày hoàn thành phiếu học tập số 5 trên giấy A0.

Khi hết thời gian trình bày các nhóm sẽ luân chuyển các sản phẩm của nhóm mình theo vòng tròn nhóm 1 chuyển cho nhóm 2, 2 chuyển cho 3, 3 chuyển cho 4. 4 chuyển lại cho 1 và nhận xét bổ sung điều còn thiếu cho đội bạn.



Nhiệm vụ 3: KIỂM TRA KIẾN THỨC VÀ HOÀN THIỆN

Mục tiêu: Tất cả HS các nhóm lĩnh hội được toàn bộ kiến thức qua việc trình bày của một số bạn trên bảng

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương án đánh giá
Một HS đại diện cho cụm 1 thuyết trình sản phẩm của nhóm mình về nhân vật Tràng	Bài thuyết trình của HS	GV đánh giá thông qua thuyết trình.
Một HS đại diện cho cụm 2 thuyết trình sản phẩm của nhóm mình về nhân vật Tràng		

b. Hồ sơ dạy học (Phụ lục)

- ❖ Phiếu học tập số 1, 2, 3, 4, 5
- ❖ Bảng kiểm đánh giá quá trình hoàn thành phiếu học tập

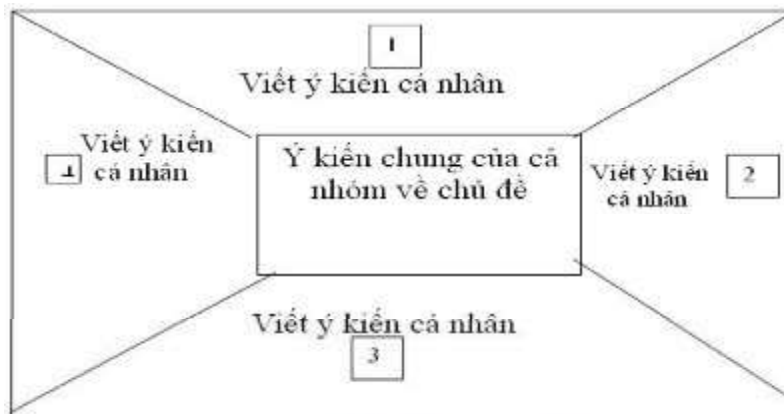
III. Kỹ thuật khăn trải bàn

3.1. Cơ sở lý thuyết

Kỹ thuật khăn trải bàn là một KTDH thể hiện quan điểm, chiến lược học hợp tác, trong đó có kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.

Kỹ thuật khăn trải bàn nhằm mục đích:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực của hs
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS



Cách tiến hành kỹ thuật “Khăn trải bàn”

- + Hoạt động theo nhóm (4 người / nhóm) (có thể nhiều người hơn)
- + Mỗi người ngồi vào vị trí như hình vẽ minh họa
- + Tập trung vào câu hỏi (hoặc chủ đề,...)
- + Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về chủ đề...). Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút

+ Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời

+ Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0)

3.2. Thiết kế hoạt động dạy học có sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn

3.2.1. Áp dụng cho môn hóa

a. Cách thức tổ chức

Mục tiêu kiến thức		
<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát thí nghiệm hoặc hình ảnh..., rút ra được tính chất hóa học của amoniac. - Viết được các PTHH dạng phân tử hoặc ion rút gọn. - Phân biệt được amoniac với một số khí đã biết bằng phương pháp hoá học. 		
Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương án đánh giá
Hoạt động chia nhóm:		
<ul style="list-style-type: none"> - Gv chia lớp thành 6 nhóm. Mỗi nhóm 7-8 bạn tùy vào số lượng học sinh trong lớp (Có thể chia nhóm theo dãy bàn học sinh ngồi) - GV giao cho mỗi nhóm 10 phiếu học tập cá nhân, 1 tờ giấy A0, 1 bút dạ và phiếu học tập nhóm yêu cầu học sinh trình bày nội dung phiếu học tập nhóm vào giấy A0 khi giáo viên yêu cầu. 		
Nhiệm vụ 1: Làm việc cá nhân		
<p>GV cho nhóm trưởng phát cho mỗi thành viên trong phiếu học tập cá nhân</p> <p>Gv gửi các video thí nghiệm vào nhóm học tập của học sinh và hướng dẫn học sinh quan sát các video thí nghiệm tự hoàn thiện phiếu học tập mỗi video thí nghiệm hoàn thành các nội dung trong phiếu học tập.</p> <p><i>Các video thí nghiệm bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Thí nghiệm NH_3 + quỳ tím ẩm + Thí nghiệm $\text{NH}_3 + \text{HCl}$ + Thí nghiệm $\text{NH}_3 + \text{AlCl}_3$ + Thí nghiệm $\text{NH}_3 + \text{O}_2$ (nhiệt độ) + Thí nghiệm $\text{NH}_3 + \text{O}_2$ (đk: 850°C, Pt xúc tác) 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh hoàn thành nội dung quan sát được trên phiếu học tập cá nhân 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá sản phẩm của từng học sinh đóng góp vào cho nhóm thông qua phiếu học tập cá nhân.

Link các video thí nghiệm theo thứ tự:

<https://www.youtube.com/watch?v=6VK6S6aFZiWg>

<https://www.youtube.com/watch?v=nZS6s1cMP-I>

https://www.youtube.com/watch?v=cQ1okewGX_M

<https://www.youtube.com/watch?v=xZPsAE4wqpl>

<https://www.youtube.com/watch?v=pvrEdGNmGc>



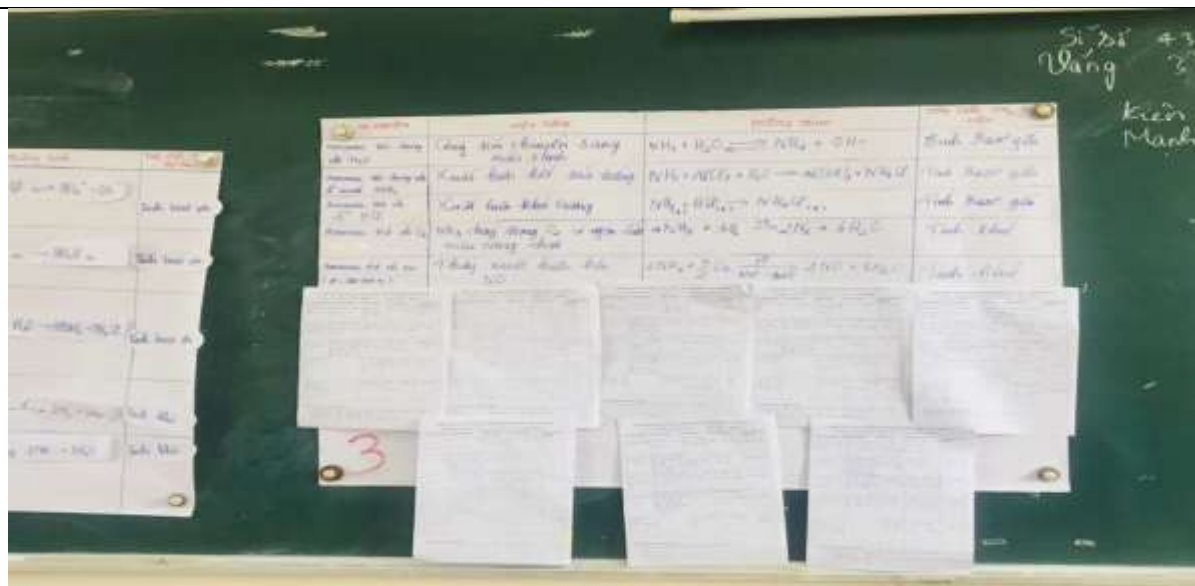
Nhiệm vụ 2: Làm việc nhóm

- Sau khi học sinh hoàn thành nhiệm vụ cá nhân thì tiến hành thảo luận nhóm để hoàn thành nội dung

- Tiến hành thảo luận

- Đánh giá kết quả sản

<p>phiếu học tập trên tờ giấy A0.</p> <p>- Các thành viên dùng băng dính 2 mặt ghim phiếu A4 lên phía trên tờ giấy A0.</p>	<p>nhóm và hoàn thành kết quả nhóm vào tờ giấy A0.</p>	<p>phẩm của cả nhóm trên tờ giấy A0 (Thông qua bảng kiểm)</p>
--	--	---



Nhiệm vụ 3: Báo cáo kết quả (Thông qua trò chơi tiếp sức)

<p>- GV chuẩn bị hai bảng A0, chuẩn bị các mảnh ghép về nội dung bài học sau đó gắn các mảnh ghép trên bảng (Mảnh ghép có phương án nhiễu)</p> <p>- Theo hai dãy bàn học của lớp giáo viên</p>	<p>- Các nhóm nộp sản phẩm của nhóm cho giáo viên</p> <p>- Hoàn thành</p>	<p>- Giáo viên chấm sản phẩm mà các thành viên hoàn thành</p>
---	---	---

<p>chuẩn bị hai đội chơi mỗi đội 5 bạn (Gv lựa chọn bất kỳ thành viên của đội chơi)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv tổ chức trò chơi như sau: Cho mỗi thành viên trong mỗi đội lần lượt lựa chọn các mảnh ghép gắn vào bảng A0. Đội nào hoàn thành nhanh nhất đúng nhất đội đó chiến thắng. - GV cho các nhóm lần lượt cùng treo bài làm của nhóm mình và đối chiếu với kết quả trên bảng - Gv nhận xét chốt lại nội dung bài học - <i>GV lựa chọn nhóm làm tốt nhất và sau đó lấy 3 bạn có đóng góp nhiều nhất cho nhóm đó để lấy điểm kiểm tra thường xuyên (GV căn cứ vào các nội dung phiếu A4 học sinh chuẩn đã làm trong hoạt động cá nhân)</i> 	<p>bảng giáo viên yêu cầu</p>	<p>trên bảng.</p>
---	-------------------------------	-------------------



b. Hồ sơ học tập (Phụ lục)

- ❖ Nội dung phiếu học tập cá nhân
- ❖ Nội dung phiếu học tập nhóm

3.2.2. Áp dụng cho môn Văn

Tìm hiểu: Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng trước cảnh bình minh trên biển (Đọc hiểu Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu)

a. Cách tổ chức

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương pháp đánh giá
<p style="text-align: center;">Mục tiêu kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận được những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về cuộc đời và nghệ thuật: Mỗi người trên cõi đời, nhất là người nghệ sĩ, không nên nhìn đời và nhìn người một cách đơn giản, trái lại, cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách sâu sắc, nhiều chiều. Nghệ thuật chân chính luôn gắn với cuộc đời và vì cuộc đời. - Phân tích được nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm: tình huống truyện độc đáo mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống; chọn được điểm nhìn nghệ thuật sắc sảo, đa chiều; ngôn ngữ nhân vật linh hoạt, sáng tạo. 		
<p style="text-align: center;">Hoạt động chia nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv chia lớp thành 6 nhóm. Mỗi nhóm 7-8 bạn tùy vào số lượng học sinh trong lớp (Có thể chia nhóm theo dãy bàn học sinh ngồi) - GV giao cho mỗi nhóm 10 tờ giấy A4, 1 tờ giấy A0, 1 bút dạ và một phiếu học tập yêu cầu học sinh trình bày nội dung phiếu học tập vào giấy A0 khi giáo viên yêu cầu. 		
<p style="text-align: center;">Nhiệm vụ 1: Làm việc cá nhân</p>		
<p>GV cho nhóm trưởng phát cho mỗi thành viên trong nhóm một tờ giấy A4.</p> <p>Gv cho học sinh làm việc cá nhân vào tờ giấy A4</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phát hiện thứ nhất của người nghệ sĩ nhiếp ảnh là phát hiện đầy thơ mộng. Vẻ đẹp đó được miêu tả như thế nào? Anh đã cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa trên biển sớm mù sương?</i> - <i>Phát hiện thứ hai của người nghệ sĩ nhiếp ảnh mang đầy nghịch lí. Phùng đã chứng kiến và có thái độ như thế nào trước những gì diễn ra ở gia đình thuyền chài?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh hoàn thành nội dung trên tờ giấy A4 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá sản phẩm của từng học sinh đóng góp vào cho nhóm thông qua giấy A4

- Qua hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng, Nguyễn Minh Châu muốn người đọc nhận thức điều gì về cuộc đời ?



Nhiệm vụ 2: Làm việc nhóm

- Sau khi học sinh hoàn thành nhiệm vụ cá nhân thì tiến hành thảo luận nhóm để hoàn thành nội dung phiếu học tập trên tờ giấy A0.

- Phát hiện thứ nhất của người nghệ sĩ nhiếp ảnh là phát hiện đầy thơ mộng. Vẻ đẹp đó được miêu tả như thế nào? Anh đã cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa trên biển sớm mù sương?

- Phát hiện thứ hai của người nghệ sĩ nhiếp ảnh mang đầy nghịch lí. Phùng đã chứng kiến và có thái độ như thế nào trước những gì diễn ra ở gia đình thuyền chài?

- Qua hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng, Nguyễn Minh Châu muốn người đọc nhận thức điều gì về cuộc đời ?

- Các thành viên dùng băng dính 2 mặt

- Tiến hành thảo luận nhóm và hoàn thành kết quả nhóm vào tờ giấy A0.

- Đánh giá kết quả sản phẩm của cả nhóm trên tờ giấy A0
(Thông qua bảng kiểm)

ghim phiếu A4 lên phía trên tờ giấy A0.



Nhiệm vụ 3: Báo cáo kết quả

- GV cho các nhóm lần lượt cùng treo bài làm của nhóm mình và đối chiếu với kết quả trên bảng
- GV gọi 2 HS đại diện cho 2 cụm trình bày lại kết quả làm việc của nhóm mình.
- Gv nhận xét chốt lại nội dung bài học

- Các nhóm nộp sản phẩm của nhóm cho giáo viên

- Giáo viên chấm sản phẩm mà các thành viên hoàn thành trên bảng.



b. Hồ sơ học tập (Phụ lục)

- ❖ Nội dung phiếu học tập nhóm
- ❖ Bảng kiểm

IV. Kỹ thuật KWL

4.1. Cơ sở lý thuyết

Kỹ thuật KWL là một hình thức tổ chức dạy học thông qua hoạt động đọc hiểu Do Donna Ogle giới thiệu năm 1986. Với kỹ thuật này, học sinh suy nghĩ về chủ đề bài đọc và ghi nhận tất cả những gì các em đã biết vào cột K của biểu đồ. Sau đó học sinh lên danh sách các câu hỏi muốn biết thêm trong chủ đề và ghi nhận vào cột W của biểu đồ. Sau khi đọc xong, học sinh sẽ tự trả lời cho các câu hỏi ở cột W và ghi nhận vào cột L.

K(What we Know)	W(What we want to learn)	L(What we learned)

Sau này biểu đồ KWL được bổ sung thêm cột H ở sau cùng nhằm khuyến khích học sinh định hướng nghiên cứu. Cột H sẽ ghi nhận những biện pháp tìm thông tin mở rộng sau khi học sinh đã hoàn tất nội dung ở cột L và muốn tìm hiểu thêm.

K(What we Know)	W(What we want to learn)	L(What we learned)	H(How can we learn more)

Cách thức thực hiện

Dụng cụ: Bảng KWL (KWLH) dành cho giáo viên và học sinh.

Thực hiện:

- Chọn bài đọc mang ý nghĩa gợi mở, tìm hiểu, giải thích
- Tạo bảng KWL (KWLH)
- Giáo viên vẽ lên bảng, mỗi học sinh cũng có một mẫu bảng riêng.
- Yêu cầu học sinh suy nghĩ nhanh và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến chủ đề. Cả giáo viên và học sinh cùng ghi nhận vào cột K. Kết thúc hoạt động khi học sinh đã nêu ra tất cả các ý tưởng và tổ chức cho các em thảo luận về những gì đã ghi nhận.
- Giáo viên gợi mở cho học sinh xem muốn biết thêm điều gì về chủ đề. Khi học sinh nêu ra tất cả các ý tưởng thì giáo viên và học sinh cùng ghi nhận câu hỏi vào cột W.

– Bắt buộc học sinh đọc và tự điền câu trả lời tìm được vào cột L. Trong quá trình đọc, học sinh cũng đồng thời tìm ra câu trả lời và ghi nhận vào cột W.

Lưu ý :

- Giáo viên nên chuẩn bị câu hỏi để giúp học sinh động não.
- Khuyến khích học sinh giải thích về những điều các em nêu ra.
- Nên đặt câu hỏi tiếp nối và gợi mở.
- Giáo viên chuẩn bị sẵn một số câu hỏi mong muốn học sinh tập trung vào những ý tưởng để bổ sung vào cột W.

– Khuyến khích học sinh ghi vào cột L những điều các em cảm thấy thích.

Ưu điểm:

- Những điều học sinh cần học có liên quan trực tiếp đến nhu cầu về kiến thức nên tạo hứng thú học tập cho các em.
- Hình thành khả năng tự định hướng học tập cho học sinh
- Giáo viên và học sinh tự đánh giá kết quả học tập, định hướng cho các hoạt động tiếp.

Hạn chế: Các sơ đồ cần phải được lưu trữ cẩn thận sau khi hoàn thành hai bước K và W, vì bước L có thể sẽ phải mất một thời gian dài mới có thể tiếp tục thực hiện.

4.2. Thiết kế hoạt động dạy học có sử dụng kỹ thuật KWL

4.2.1. Áp dụng cho môn hóa

Tổ chức nghiên cứu nội dung tính chất hóa học của Phenol

a. Cách thức tổ chức

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương pháp đánh giá
Nhiệm vụ 1: Nhận xét về đặc điểm cấu tạo phân tử Phenol.		
<ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 4 nhóm mỗi nhóm 10-11 học sinh. - GV phát phiếu học tập, giấy A0, bút viết cho các nhóm - GV yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi 1 và câu hỏi 2 và điền vào cột K (điều em đã biết) - GV yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi 3 và điền câu trả lời vào cột W (Điều muốn biết) 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thảo luận trả lời các câu hỏi 1,2,3 vào giấy A0 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động nhóm của học sinh



Nhiệm vụ 2: Xem video thí nghiệm và rút ra tính chất hóa học của phenol

GV gửi các video thí nghiệm vào nhóm zalo của lớp sau đó hướng dẫn cho học sinh nội dung các thí nghiệm và cách quan sát các thí nghiệm để trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập từ đó rút ra tính chất hóa học của Phenol

GV lưu ý học sinh trong quá trình hoạt động nhóm có thể chia nhiệm vụ riêng cho các thành viên để cung hoàn thành nhiệm vụ chung của cả nhóm (Ví dụ giao cho 2-3 học sinh mỗi bạn xem một nội dung video sau đó chuẩn bị kết quả để hoàn thành nội dung của nhóm

- Học sinh thảo luận trả lời các câu hỏi 4,5 vào giấy A0

- Đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động nhóm của học sinh

- Đánh giá thông qua bảng kiểm của giáo viên đã chuẩn bị sẵn cho các nhóm để đánh giá các nhóm còn lại



Nhiệm vụ 3: Chốt kiến thức và củng cố nội dung học

GV cho các học sinh báo cáo nội dung đã thảo luận và cho các nhóm chấm điểm sản phẩm của các nhóm khác

GV chốt lại kiến thức sau đó gửi Link ôn tập trực tuyến vào nhóm zalo và yêu cầu học sinh hoàn thành





b. Hồ sơ học tập (Phụ lục)

- ❖ Video các thí nghiệm
- ❖ Phiếu học tập
- ❖ Bài tập củng cố
- ❖ Bảng kiểm

4.2.2. Áp dụng cho môn Văn học

Tổ chức tìm hiểu về tác giả Hồ Chí Minh

a. Cách tổ chức

Cách thức tổ chức	Dự kiến sản phẩm của học sinh	Phương pháp đánh giá
Nhiệm vụ: Tìm hiểu về cuộc đời, con người và Sự nghiệp sáng tác của Hồ Chí Minh.		
<ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 4 nhóm mỗi nhóm 10-11 học sinh. - GV phát phiếu học tập, giấy A0, bút viết cho các nhóm - GV yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi 1, câu hỏi 2 và điền vào cột K (điều em đã biết) và cột W (Điều em muốn biết) 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thảo luận trả lời các câu hỏi 1,2 vào giấy A0 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động nhóm của học sinh

Báo cáo lớp số 1

Tên người đăng ký	Số điểm học kỳ I Điểm học kỳ I	Số điểm học kỳ II Điểm học kỳ II
Nguyễn Văn A	8,5	8,0
Nguyễn Văn B	7,5	7,0
Nguyễn Văn C	6,5	6,0
Nguyễn Văn D	5,5	5,0
Nguyễn Văn E	4,5	4,0
Nguyễn Văn F	3,5	3,0
Nguyễn Văn G	2,5	2,0
Nguyễn Văn H	1,5	1,0
Nguyễn Văn I	0,5	0,0
Nguyễn Văn J	0,0	0,0





b. Hồ sơ học tập:

Phiếu học tập số 1

Tác giả Hồ Chí Minh	K(What we Know) Điều em đã biết	W(What we learned) Điều em muốn biết	L(What we learned) Điều em đã học được
1. Cuộc đời Hồ Chí Minh			
2. Con người Hồ Chí Minh			
3. Sự nghiệp sáng tác			

* Lưu ý: Cột K và cột W học sinh điền tại lớp. Còn cột L về nhà hoàn thành sau.

b. Hồ sơ học tập (Phụ lục)

- ❖ Phiếu học tập số 1
- ❖ Bảng kiểm

Chương 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

I. Một số kết quả đạt được khi thực nghiệm đề tài

1.1. Tiến trình và nội dung thực hiện

Đề tài được thực hiện và áp dụng tại các lớp do cô giáo Phạm Thị Oanh dạy gồm lớp 11A2, 11A4, 11C2, 11C6 cho bộ môn hóa học và 3 lớp do cô giáo Hoàng Thị Sâm giảng dạy là 12A3, 12C4, 12C6 thuộc bộ môn Văn học và một số thầy cô giảng dạy trong khối lớp 11,12 thuộc hai bộ môn Hóa học và Văn học.

Chúng tôi tiến hành khảo sát thực nghiệm như sau:

+ Chúng tôi thường xuyên lồng các kỹ thuật dạy học vào trong quá trình dạy học của mình. Tiến hành ghi chép sự thay đổi của các nhóm trong hai tập thể lớp 11A2, 12A3 theo các tiêu chí đã chuẩn bị sẵn.

+ Trong quá trình ghi chép thực nghiệm tại lớp 11A2, 12A3 chúng tôi theo dõi năng lực giao tiếp hợp tác của 4 nhóm HS đầu TN, giữa TN và cuối TN khi tiến hành áp dụng đề xuất của tác giả.

+ Để đánh giá sự thay đổi cụ thể của HS về năng lực giao tiếp và hợp tác, chúng tôi đã tiến hành lựa chọn 2 học sinh thuộc khối 11 và 2 em học sinh thuộc khối 12 và theo dõi việc thực hiện giao tiếp và hợp tác của các học sinh này trong suốt quá trình thực nghiệm. Chúng tôi phối hợp với các GV bộ môn, đề nghị GV bộ môn quan sát quá trình giao tiếp và hoạt động hợp tác của học sinh khi hoạt động nhóm trong giờ học của bộ môn mình phụ trách và ghi lại các biểu hiện về hành vi và thái độ của các học sinh này vào phiếu đánh giá.

Trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, kết hợp kinh nghiệm bản thân, thực tế giảng dạy, chúng tôi đã xây dựng và tích hợp năng lượng giao tiếp và hợp tác của nhóm và cá nhân theo bảng như sau:

Bảng 1.1: Tiêu chí đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác các nhóm học tập

Tiêu chí	Mức độ		
	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1. Kỹ năng tổ chức nhóm hợp tác	Tập trung nhóm nhanh chóng, trật tự; Tập trung cao trong suốt quá trình làm việc nhóm.	Tập trung nhóm nhanh; Cơ bản có sự tập trung trong suốt quá trình làm việc, đôi khi có cá nhân chưa chú ý.	Tập trung nhóm chậm hoặc lộn xộn; Chưa có sự tập trung, chú ý trong suốt quá trình làm việc.
	Xác định được cách thức hợp tác, tiến trình	Xác định được cách thức hợp tác, tiến trình	Còn lúng túng trong việc xác định cách thức

2. Kỹ năng lập kế hoạch	thực hiện, phân công nhiệm vụ cho thành viên hợp lý.	thực hiện, có sự phân công nhiệm vụ cho thành viên nhưng có chỗ chưa hợp lý.	hợp tác; tiến trình thực hiện, phân nhiệm vụ cho thành viên chưa hợp lý
3. Thực hiện nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả thành viên thực hiện nhiệm vụ tích cực, hiệu quả. - Chủ động hỗ trợ nhau trong thực hiện nhiệm vụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, khá hiệu quả. - Có sự hỗ trợ khi được yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ một số thành viên thực hiện nhiệm vụ, một số khác không thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả. - Chưa có sự hỗ trợ nhau.
4. Kỹ năng tạo môi trường hợp tác	<p>Tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhau;</p> <p>Gợi mở, kích thích các thành viên khác tham gia hoạt động nhóm tạo môi trường làm việc sôi nổi, hào hứng.</p>	<p>Tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhau; Chưa kích thích các thành viên khác tham gia hoạt động nhóm sôi nổi, đôi khi để xảy ra mâu thuẫn mà giải quyết chưa hiệu quả.</p>	<p>Chưa tôn trọng, lắng nghe ý kiến; Chưa kích thích các thành viên khác tham gia hoạt động nhóm, còn biểu hiện ỷ oải, thờ ơ hoặc để xảy ra mâu thuẫn.</p>
5. Diễn đạt ý kiến	<p>Trình bày ý kiến rõ ràng mạch lạc, dễ hiểu; kết hợp tốt với ngôn ngữ cử chỉ, biểu cảm; tính thuyết phục cao.</p>	<p>Trình bày kiến cơ bản rõ ràng mạch lạc, dễ hiểu; sự kết hợp tốt với ngôn ngữ cử chỉ, biểu cảm chưa nhuần nhuyễn, đôi khi chưa thuyết phục.</p>	<p>Trình bày kiến tương dài dòng, chưa mạch lạc, khó hiểu, chưa thuyết phục</p>
6. Giao tiếp với nhóm khác	<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý lắng nghe khi nhóm khác trình bày; khéo léo đặt câu 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe khi nhóm khác trình bày; có đặt câu hỏi hoặc 	<ul style="list-style-type: none"> - Không tập trung, chú ý lắng nghe khi nhóm khác trình bày;

	<p>hỏi để làm rõ hoặc góp ý cho người khác.</p> <p>- Tiếp nhận ý kiến một cách thiện chí. Trả lời câu hỏi nhóm khác thoải mái, lịch sự.</p>	<p>góp ý cho nhóm khác.</p> <p>- Cơ bản tiếp thu các ý kiến nhận xét hợp lý, khá thoải mái khi trả lời câu hỏi nhóm khác.</p>	<p>Không đặt câu hỏi hoặc không góp ý cho nhóm khác.</p> <p>- Không có sự tiếp thu góp ý hoặc khi phản biện gay gắt, không lịch sự.</p>
7. Kỹ năng báo cáo, tổng hợp.	<p>Tổng hợp, lựa chọn được ý kiến của các thành viên trong nhóm hợp lý, chính xác.</p> <p>Cấu trúc báo cáo khoa học với từ ngữ, cách trình bày phù hợp.</p>	<p>Tổng hợp, lựa chọn được ý kiến của các thành viên trong nhóm.</p> <p>Cấu trúc báo cáo tương đối khoa học, cách trình bày đôi khi chưa phù hợp.</p>	<p>Chưa tổng hợp, lựa chọn được ý kiến của các thành viên trong nhóm. Chưa viết thành một bản báo cáo hoàn chỉnh.</p>
8. Kỹ năng đánh giá	<p>Đánh giá chính xác, khách quan kết quả đạt được của nhóm mình và nhóm khác.</p>	<p>Đánh giá cơ bản đúng, khách quan kết quả đạt được của nhóm mình và nhóm khác, thiếu chính xác ở một vài tiêu chí.</p>	<p>Chưa đánh giá đúng kết quả đạt được của nhóm mình và nhóm khác.</p>

Bảng 1.2: Tiêu chí đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của cá nhân HS

Tiêu chí	Mức độ		
	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1. Sự tập trung, chú ý	<p>- Di chuyển vào nhóm nhanh chóng, trật tự; Tập trung cao trong suốt quá trình làm việc nhóm.</p>	<p>- Di chuyển vào nhóm nhanh; Cơ bản có sự tập trung trong suốt quá trình làm việc, đôi khi chưa chú ý.</p>	<p>- Di chuyển vào nhóm chậm hoặc lộn xộn; Sự tập trung, chú ý trong suốt quá trình làm việc chưa cao.</p>

<p>2. KN lập kế hoạch</p>	<p>- Đảm nhận vai trò nhóm trưởng lập kế hoạch hoặc là thành viên có ý kiến góp ý tích cực vào bản kế hoạch nhóm đảm bảo khoa học, hợp lý.</p>	<p>- Đảm nhận vai trò nhóm trưởng lập kế hoạch cơ bản tốt hoặc là thành viên có ý kiến góp ý vào bản kế hoạch nhóm.</p>	<p>- Còn lúng túng trong việc lập kế hoạch, tham gia xây dựng kế hoạch chưa hợp lý hoặc không quan tâm đến kế hoạch nhóm.</p>
<p>3. Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>- Thực hiện nhiệm vụ tích cực, hiệu quả; chia sẻ, giúp đỡ các bạn hoàn thành nhiệm vụ.</p>	<p>- Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, khá hiệu quả; có sự hỗ trợ khi được yêu cầu.</p>	<p>- Thực hiện nhiệm vụ không hiệu quả; không hỗ trợ thành viên khác.</p>
<p>4. KN tạo môi trường hợp tác</p>	<p>- Tôn trọng, lắng nghe ý kiến thành viên khác trong nhóm. - Gọi mở, kích thích các thành viên khác tham gia hoạt động nhóm tạo môi trường làm việc sôi nổi, hào hứng.</p>	<p>- Tôn trọng, lắng nghe ý kiến thành viên khác; Chưa biết kích thích thành viên khác tham gia hoạt động nhóm.</p>	<p>- Kiên quyết bảo vệ quan điểm bản thân, hoặc thờ ơ, mặc kệ các bạn thảo luận. tham gia thảo luận gay gắt, có khi dễ xảy ra mâu thuẫn.</p>
<p>5. Diễn đạt ý kiến</p>	<p>- Rõ ràng, dễ hiểu, thuyết phục, hấp dẫn; kết hợp tốt với ngôn ngữ cử chỉ, biểu cảm.</p>	<p>- Trình bày kiến rõ ràng mạch lạc, dễ hiểu; chưa kết hợp tốt với ngôn ngữ cử chỉ, biểu cảm; tính thuyết phục đôi khi chưa cao.</p>	<p>- Trình bày kiến tưởng dài dòng, chưa mạch lạc, khó hiểu, chưa thuyết phục</p>
<p>6. Giao tiếp với nhóm khác</p>	<p>- Chú ý lắng nghe khi nhóm khác trình bày; Khéo léo đặt câu hỏi để làm rõ hoặc góp ý cho người khác. - Tiếp nhận ý kiến một cách thiện chí.</p>	<p>- Lắng nghe khi nhóm khác trình bày; có đặt câu hỏi hoặc góp ý cho nhóm khác. - Cơ bản tiếp thu các ý kiến nhận</p>	<p>- Không tập trung, chú ý lắng nghe khi nhóm khác trình bày; Không đặt câu hỏi hoặc không góp ý cho nhóm khác.</p>

	Trả lời câu hỏi nhóm khác thoải mái, lịch sự.	xét hợp lý, khá thoải mái khi trả lời câu hỏi nhóm khác.	- Không có sự tiếp thu góp ý hoặc khi phản biện gay gắt, không lịch sự.
7. KN báo cáo tổng hợp.	- Tổng hợp, lựa chọn được ý kiến của các thành viên trong nhóm hợp lí, chính xác. - Cấu trúc báo cáo khoa học với từ ngữ, cách trình bày phù hợp.	- Tổng hợp, lựa chọn được ý kiến của các thành viên trong nhóm. - Cấu trúc báo cáo tương đối khoa học, cách trình bày đôi khi chưa phù hợp.	- Chưa tổng hợp, lựa chọn được ý kiến của các thành viên trong nhóm. Chưa viết thành một bản báo cáo hoàn chỉnh.
8. KN đánh giá	- Đánh giá chính xác, khách quan kết quả đạt được của nhóm mình và nhóm khác.	- Đánh giá cơ bản đúng, khách quan kết quả đạt được của nhóm mình và nhóm khác, thiếu chính xác ở một vài tiêu chí.	- Chưa đánh giá đúng kết quả đạt được của nhóm mình và nhóm khác.

1.2. Đánh giá thực nghiệm

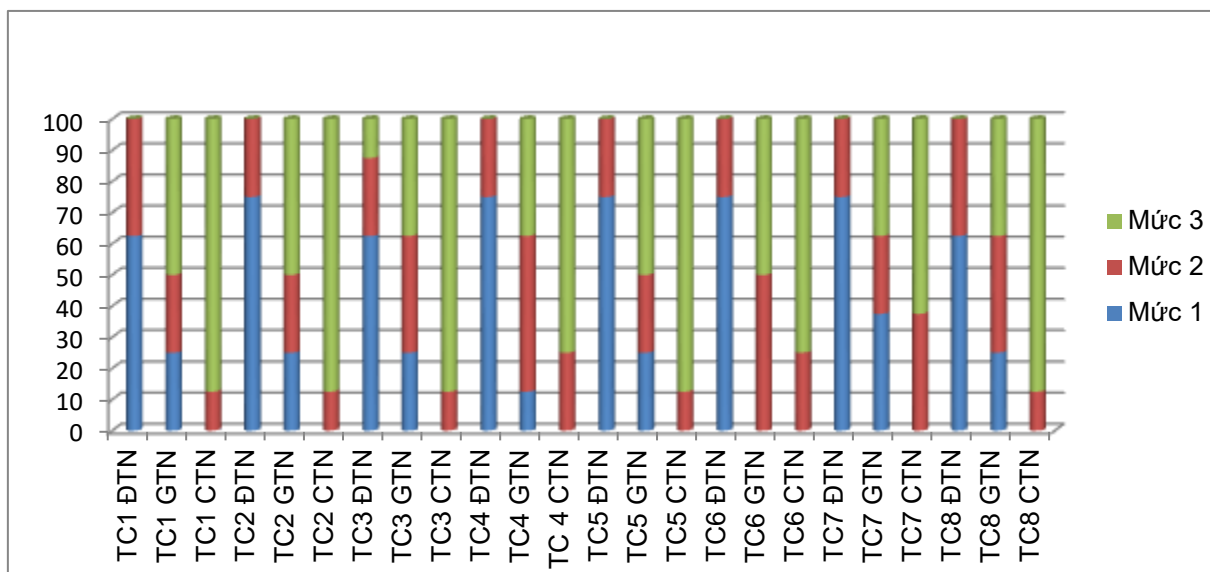
1.2.1. Kết quả đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của nhóm học tập

Tiến hành đánh giá định lượng 8 tiêu chí của năng lực giao tiếp và hợp tác (tích hợp) của các nhóm học tập môn Hóa học và Văn học xuyên suốt của lớp 11A2, 12A3 tại các thời điểm: đầu, trong và sau khi thực nghiệm với các kỹ thuật dạy học trong suốt quá trình giảng dạy của năm học

Bảng 1.3. Kết quả đánh giá tổng hợp năng lực giao tiếp và hợp tác của các nhóm học tập

Tiêu chí	Mức độ	Kết quả đạt được					
		Đầu TN		Giữa TN		Cuối TN	
		SL	%	SL	%	SL	%
1. Sự tập trung, chú ý	1	5	62,5	2	25	0	0
	2	3	37,5	2	25	1	12,5
	3	0	0	4	50	7	87,5
2. Kỹ năng lập kế hoạch	1	6	75	2	25	0	0
	2	2	25	2	25	1	12,5
	3	0	0	4	50	7	87,5

3. Thực hiện nhiệm vụ	1	5	62,5	2	25	0	0
	2	2	25	3	37,5	1	12,5
	3	1	12,5	3	37,5	7	87,5
4. Kỹ năng tạo môi trường hợp tác	1	6	75	1	12,5	0	0
	2	2	25	4	50	2	25
	3	0	0	3	37,5	6	75
5. Diễn đạt ý kiến	1	6	75	2	25	0	0
	2	2	25	2	25	1	12,5
	3	0	0	4	50	7	87,5
6. Giao tiếp với nhóm khác	1	6	75	0	0	0	0
	2	2	25	4	50	2	25
	3	0	0	4	50	6	75
7. Kỹ năng báo cáo, tổng hợp	1	6	75	3	37,5	0	0
	2	2	25	2	25	3	37,5
	3	0	0	3	37,5	5	62,5
8. Kỹ năng đánh giá	1	5	62,5	2	25	0	0
	2	3	37,5	3	37,5	1	12,5
	3	0	0	3	37,5	7	87,5



Biểu đồ 1.4: Kết quả đánh giá tổng hợp năng lực giao tiếp và hợp tác của các nhóm học tập

Qua Bảng 1.3 và Biểu đồ 1.4 cho thấy các tiêu chí của năng lực giao tiếp và hợp tác thay đổi rõ rệt theo chiều hướng tích cực. Tỷ lệ học sinh đạt được ở các mức độ của các tiêu chí trong giai đoạn đầu TN chủ yếu ở mức 1 và mức 2, đến giữa TN các mức 2 và mức 3 tăng lên tương ứng, cuối TN tỷ lệ học sinh đạt mức 3 là chủ yếu.

Ví dụ tiêu chí 1: giai đoạn đầu TN có 0% nhóm đạt mức 3; 37,5% nhóm đạt mức 2; 62,5% nhóm đạt mức 1. Đến giai đoạn giữa TN, tỷ lệ này tương ứng lần lượt là

50%; 25%; 25 % và giai đoạn cuối TN, mức 3 đạt 87,5%, mức 2 đạt 12,5%. Ở tiêu chí 5, ban đầu mức 1 chiếm 75%, mức 2 chiếm 25%, giữa TN mức 1 chỉ còn chiếm 25%, mức 2 chiếm 25%, mức 3 chiếm 50% và đến cuối TN đã xuất hiện mức 3 với 87,5%, mức 2 chiếm 12,5%, không còn nhóm đạt mức 1.

Kết quả trên đã cho thấy hiệu quả của việc áp dụng thường xuyên các kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy sẽ tạo điều kiện cho việc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.

Đồng thời, Bảng 1.3 và Biểu đồ 1.4 còn thể hiện sự tăng không đều giữa các tiêu chí. Có 5 tiêu chí tăng mạnh đó là tiêu chí 1, tiêu chí 2, tiêu chí 3, tiêu chí 5. Các tiêu chí này cuối TN 87,5% nhóm đạt mức 3. Riêng tiêu chí 4, tiêu chí 6, tiêu chí 7, tiêu chí 8 tăng chậm hơn. Điều này cho thấy, đối với các tiêu chí liên quan đến cách thức hoạt động nhóm, dưới sự hướng dẫn của GV, các nhóm sẽ nhanh chóng tiếp thu, được rèn luyện kỹ năng và dễ dàng đạt được kết quả cao nhất. Còn các tiêu chí mang tính tích hợp, liên quan đến các năng lực khác như năng lực lãnh đạo (trong TC 4: kỹ năng lập tạo môi trường hợp tác), kỹ năng thuyết trình (trong tiêu chí 6, tiêu chí 7, tiêu chí 8) là các tiêu chí khó, học sinh cần có nhiều thời gian rèn luyện hơn nữa mới đạt được sự thành thạo.

1.2.2. Kết quả đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của cá nhân

Chúng lựa chọn 4 học sinh và theo dõi năng lực giao tiếp và hợp tác của các học sinh này trong suốt quá trình TN. Ngoài việc quan sát và đánh giá năng lực của HS qua hoạt động nhóm khi hoạt động các môn học được tổ chức giảng dạy theo đề tài thì chúng tôi phối hợp với một số giáo viên bộ môn quan sát quá trình hoạt động giao tiếp và hợp tác của học sinh khi hoạt động nhóm trong giờ học của bộ môn mình phụ trách trong thời điểm tương ứng và ghi lại các biểu hiện về về năng lực giao tiếp và hợp tác vào phiếu quan sát. Kết quả được phân tích kỹ và rút ra kết luận về mức độ của các tiêu chí năng lực giao tiếp và hợp tác của 4 học sinh được thể hiện qua bảng 1.5 như sau:

Bảng 1.5. Kết quả đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của cá nhân HS

HS TC	Nguyễn Quỳnh Anh 11A2			Trần Văn Lực 11A2			Nguyễn Thị Nhật Phương 12A3			Đình Xuân Tiến 12A3		
TC1	2	3	3	3	3	3	1	2	3	2	3	3
TC2	1	2	2	2	3	3	1	1	2	3	3	3
TC3	2	3	3	2	3	3	1	2	3	2	3	3
TC4	2	2	2	2	3	3	1	2	3	1	2	3
TC5	1	2	2	2	3	3	1	2	2	2	3	3

TC6	2	2	3	3	3	3	1	2	3	1	2	3
TC7	1	2	2	2	2	3	1	2	2	3	3	3
TC8	2	2	3	2	3	3	1	2	3	2	3	3
	ĐT N	GT N	CT N	ĐT N	GT N	CT N	ĐT N	GT N	CT N	ĐT N	GT N	CT N

Kết quả Bảng 1.5 cho thấy mức độ đạt được các tiêu chí của năng lực giao tiếp và hợp tác ở 4 HS đều tăng lên, từ đầu TN là mức độ 1 hoặc 2 đến cuối TN hầu như đạt mức độ 3, một số tiêu chí đạt mức độ 2. Tùy thuộc trình độ, năng lực và ý thức rèn luyện của mỗi học sinh mà đạt được kết quả khác nhau.

Em Trần Văn Lực 11A2: Đầu TN có TC1, TC6 đạt mức 3 và được duy trì đến cuối TN; các TC2, TC3, TC4, TC5, TC7, TC8 đầu TN đạt mức 2, cuối TN đạt mức 3. Có được kết quả này là do em Trần Văn Lực vốn dĩ là một lớp trưởng nên bản thân em xuất phát điểm các kỹ năng cần thiết đều đã hơn so với các bạn khác. Và sau một thời gian được rèn luyện thêm các kỹ năng của em đều đã cải thiện rõ rệt thể hiện ở chỗ nhiều kỹ năng ngay tại thời điểm giữa thực nghiệm em đã có thể đạt mức cao nhất và đến cuối thực nghiệm thì các tiêu chí của em đều đã đạt mức 3.

Em Nguyễn Quỳnh Anh 11A2: Đầu TN hầu hết đạt mức 1, hoặc mức 2 ở các TC. Đến cuối TN các tiêu chí đã đạt mức 2 hoặc mức 3. Điều này là dễ hiểu vì em Nguyễn Quỳnh Anh là một HS có lực học và rèn luyện tốt; trong hoạt động nhóm, em luôn cố gắng rèn luyện kỹ năng và phát huy được năng lực của mình, có tinh thần hợp tác rất tốt với các bạn. Tuy nhiên em có một số điểm yếu trong quá trình thực hiện tố chất của một người lãnh đạo nhóm vì vậy em cần phải cố gắng hoàn thiện các kỹ năng còn thiếu trong quá trình học tập.

Em Nguyễn Thị Nhật Phương 12A3: Có xuất phát ban đầu với mức độ thấp (100% TC đạt mức độ 1). Qua quá trình rèn luyện đã đạt mức độ 3 ở 5/8 tiêu chí, còn 3 TC đạt mức độ 2. Kết quả này phù hợp vì em Đạt là một HS có năng lực giao tiếp và hợp tác ban đầu không cao, có lực trung bình song bản thân em trong quá trình rèn luyện rất cố gắng nên đã có sự tiến bộ, cần tiếp tục rèn luyện thêm.

Em: Đinh Xuân Tiến 12A3: Đầu TN có mức độ của các tiêu chí rất chênh lệch nhau (có 3/8 TC mức độ 3, 2/8 TC mức độ 1, 3/8 TC mức độ 2). Sở dĩ có sự khác nhau như vậy vì Thương là một HS có lực học tốt, nhanh nhẹn, song lại cá tính, đôi khi tự tin thái quá, ưa thể hiện mình nên các kỹ năng tạo môi trường hợp tác và giao tiếp với nhóm khác ban đầu chưa tốt, trong khi các TC khác cơ bản ban đầu đã tốt. Sau thời gian tham gia hoạt động nhóm dưới sự hướng dẫn của GV và hợp tác của các bạn, em đã hiểu và điều chỉnh, đến cuối TN tất cả các TC đều đạt mức độ 3.

1.2.3. Kết quả khảo sát giảng dạy về hiệu quả và tính khả thi của đề tài

Chúng tôi đã thực hiện các kỹ thuật dạy học tích cực tại các lớp do chúng tôi giảng dạy. Đồng thời, qua chia sẻ, trao đổi với đồng nghiệp, chúng tôi đã nhận được sự đồng thuận cao của 2 GV là Lê Thị Diệu Huyền (môn Hóa) và Nguyễn Thị Nhân (môn Văn) – trường THPT Nghi Lộc 4. Hai thầy cô đã xin được áp dụng đề tài với những đề xuất của tác giả. Sau thời gian thực nghiệm, tác giả tiến hành đánh giá từ các lớp mình dạy cũng như phỏng vấn 2 GV tham gia thực nghiệm về hiệu quả tổng thể và tính khả thi của đề tài. Kết quả được thể hiện ở bảng 1.6 như sau:

Bảng 1.6. Kết quả khảo sát về hiệu quả và tính khả thi của đề tài

Nội dung Giáo viên	NL hoạt động nhóm của nhóm	NL giao tiếp và hợp tác của HS	Hiệu quả học tập	Tính khả thi
Phạm Thị Oanh	Tốt hơn	Tốt hơn	Rất hiệu quả	Khả thi cao
Hoàng Thị Sâm	Tốt hơn	Tốt hơn	Rất hiệu quả	Khả thi cao
Lê Thị Diệu Huyền	Tốt hơn	Tốt hơn	Hiệu quả	Khả thi cao
Nguyễn Thị Nhân	Tốt hơn	Tốt hơn	Hiệu quả	Khả thi cao

Qua bảng 1.6 ta thấy: Khi áp dụng đề tài, 4/4 GV đều đánh giá năng lực hoạt động nhóm của các nhóm học tập, năng lực giao tiếp và hợp tác của HS đều tốt hơn. Về hiệu quả học tập, 2/4 GV đánh giá mức độ: hiệu quả, 2/4 GV (Đồng tác giả) đánh giá rất hiệu quả. Điều này cũng dễ hiểu vì tác giả là người xây dựng đề tài nên hiểu rõ cách thức thực hiện để đạt được mục tiêu tốt nhất. Về tính khả thi, 4/4 GV đều đánh giá đề tài có tính khả thi cao.

Như vậy, đề tài được tất cả GV áp dụng đánh giá hiệu quả và có tính khả thi cao, có thể áp dụng rộng rãi ở các lớp, ở các trường THPT khác.

PHẦN III: KẾT LUẬN

I. Kết luận

Sau quá trình nghiên cứu đề tài: **“Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS THPT bằng việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực”** nghiêm túc, có cơ sở đáng tin cậy và quy trình nghiên cứu khoa học, tôi rút ra kết luận như sau:

Khi áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực một cách linh hoạt trong quá trình giảng dạy sẽ góp phần phát triển năng lực và phẩm chất cho HS, đặc biệt là năng lực giao tiếp và hợp tác.

Việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực vào thực tế giảng dạy chưa cao do cũng có nhiều khó khăn cho giáo viên trong quá trình tiến hành như không gian lớp học, kinh tế, thời gian...

Chúng tôi đã tiến hành sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực cho từng dạng nội dung đặc trưng của bộ môn đề xuất kinh nghiệm khi thực hiện nhằm đạt hiệu quả cao, đồng thời xây dựng công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác để giáo viên và học sinh có thể dùng theo dõi sự tiến bộ của học sinh trong từng giai đoạn cụ thể.

Thực nghiệm đề tài tại các lớp trong khối. Đề tài được đánh giá có tính khả thi cao.

II. Ý nghĩa

Đề tài có nhiều ý nghĩa với bản thân nhóm tác giả, với trường, với bộ môn, ngành:

- Đối với nhóm tác giả: Từ quá trình nghiên cứu, tác giả đã đúc rút thêm kinh nghiệm cho bản thân trong việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực một cách linh động, hiệu quả, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy. Đồng thời, bồi dưỡng tư duy khoa học, phát triển năng lực ngôn ngữ. Kết quả do đề tài mang lại tạo thêm động lực cho tác giả tiếp tục đổi mới trong công tác chuyên môn, đam mê nghiên cứu.

- Đối với nhà trường: Đề tài góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác trong học tập cũng như trong tham gia các hoạt động giáo dục khác của HS trong trường, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục HS của nhà trường. Đề tài góp phần đổi mới giáo dục của trường, là tài liệu tham khảo quý báu của nhiều GV trong trường.

- Đối với ngành bộ môn Hóa học, Văn học: Bổ sung vào Bộ tài liệu tin cậy của bộ môn, giúp GV bộ môn có thể tham khảo và áp dụng, chung tay vào công tác nâng cao chất lượng giảng dạy môn Hóa học, Văn học.

- Đối với ngành Giáo dục: Góp phần vào công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

III. Đề xuất và kiến nghị

1. Đề xuất

- *Phạm vi ứng dụng:* Đề tài đã được nghiên cứu và thực nghiệm thành công, được 4/4 GV đánh giá tính khả thi cao nên có tính ứng dụng cao. GV các bộ môn có thể áp dụng cách thức tổ chức được trình bày trong đề tài.

- *Hướng nghiên cứu:* Đề tài có nhiều hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm phát triển năng lực cho HS: Tiếp tục nghiên cứu phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh thông qua các kỹ thuật dạy học tích cực khác. Từ đó, xây dựng hoàn thiện Bộ tư liệu tổ chức dạy học tích cực cho bộ môn Hóa học, Văn học.

2. Kiến nghị

- *Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo:*

Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên môn về phương pháp dạy học với các hoạt động thiết thực, tạo cơ hội cho GV giao lưu, học hỏi và đặc biệt là được trải nghiệm thực sự để GV bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho bản thân.

Công bố rộng rãi các sản phẩm sáng kiến kinh nghiệm để GV học tập, áp dụng, tham khảo trong quá trình dạy học.

- *Đối với nhà trường:*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác đổi mới giáo dục, khuyến khích GV mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học, lấy HS làm trung tâm.

Thường xuyên tổ chức chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học để GV chia sẻ kinh nghiệm, bồi dưỡng năng lực chuyên môn.

Tăng cường kiểm tra, giám sát về công tác đổi mới phương pháp dạy học.

Hỗ trợ kinh phí cho tổ, nhóm chuyên môn trong một số hoạt động chuyên môn cấp tổ, nhóm về đổi mới phương pháp học tập nhằm phát triển năng lực và hợp tác cho HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông chương trình tổng thể*, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học*, Hà Nội.
- [3] Đặng Thị Oanh (Chủ biên), Phạm Hồng Bắc, Phạm Thị Bình, Phạm Thị Bích Đào, Đỗ Thị Quỳnh Mai (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Hóa học trung học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Nguyễn Xuân Trường (tổng chủ biên), Lê Mậu Quyền *Hóa học 11*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Phan Thị Thanh Hội, Phạm Huyền Phương (2015), *Thiết kế các hoạt động học tập theo nhóm dạy học chương “Sinh trưởng và phát triển” (Sinh học 11)*, Tạp chí Giáo dục số 387, trang 30 -33, kì 1 tháng 8/2016.
- [6] Nguyễn Chiến Thắng, Nguyễn Thị Hoàng Anh (2018), *Bồi dưỡng năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh thông qua tổ chức hoạt động nhóm khi dạy jocj hàm số bậc nhất và hàm số bậc hai ở lớp 10*, Tạp chí Giáo dục, Số 436 (Kì 2 - 8/2018), tr 40-44 40
- [7] Hoàng Hữu Miến (2013), *Cơ sở lý luận về kỹ năng giao tiếp và thực trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên sư phạm trường Thủ Dầu Một*, Trường Đại học Thủ Dầu Một.
- [8] Hoàng Phê (chủ biên) (2019), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức
- [9] <https://taphuan.csdl.edu.vn/>
- [10] Trần Trọng Thủy, *Một lí thuyết về Hoạt động học tập*, Tạp chí Giáo dục.
- [11] Phạm Thị Thu Hương (chủ biên), *Phát triển năng lực Đọc hiểu văn bản văn chương qua hệ thống phiếu học tập, Lớp 12, Tập 2*, NXB Đại học Sư phạm.
- [12] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Hà Nội.
- [13] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Tài liệu tập huấn bồi dưỡng GV: Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Ngữ văn*, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [14] *Tài liệu tập huấn kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh trong trường phổ thông môn Ngữ Văn (2014 - Vụ giáo dục)*
- [15] *Tài khoản siêu trí nhớ học đường.*

- [16] Trần Thị Gái, Kiều Thị Kính, *Thiết kế hoạt động trải nghiệm thiên nhiên phát triển năng lực giao tiếp hợp tác cho học sinh cấp trung học cơ sở*, Tạp chí Giáo dục, Số 492 (Kì 2 - 12/2020), tr 40-45 ISSN
- [17] Trần Khánh Ngọc (2020), Khóa học Vận dụng các phương pháp tích cực trong dạy học
- [18] Trần Khánh Ngọc (2020), Khóa học Dạy học phát triển năng lực học sinh
- [19] Trần Khánh Ngọc (2020), Khóa học Dạy học tích hợp liên môn
- [20] Ngữ Văn 12 - Nxb Giáo dục.

PHỤ LỤC 1: HỒ SƠ HỌC TẬP PHỤC VỤ CHO QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. Kỹ thuật sơ đồ tư duy (Dành chung cho cả bộ môn Hóa học và Văn học)

➤ Bảng chấm mức độ làm việc của cá nhân khi làm việc nhóm

Các tiêu chí	10đ	7đ	4đ	0đ
Mức độ nhận nhiệm vụ (TC1)	Chủ động xung phong nhận nhiệm vụ.	Không xung phong nhưng vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng khi nhận nhiệm vụ được giao	Từ chối nhận nhiệm vụ.
Mức độ tìm kiếm thông tin và chia sẻ thông tin. (TC2)	- Tìm kiếm được nhiều thông tin cho nhiệm vụ được giao. - Chia sẻ nhiều thông tin hữu ích với nhóm	- Tìm kiếm được một số thông tin có liên quan đến nội dung được giao. - Chia sẻ được một số thông tin hữu ích với nhóm.	- Tìm kiếm được một vài thông tin nhưng chỉ một lượng nhỏ là có ích cho chủ đề. - Chia sẻ một ít thông tin hữu ích với nhóm.	- Không tìm kiếm được thông tin có liên quan đến chủ đề. - Không chia sẻ thông tin với nhóm.
Mức độ thực hiện nhiệm vụ. (TC3)	Hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ được giao	Hoàn thành nhiều hơn một nửa nhưng không đủ nhiệm vụ được giao	Hoàn thành ít hơn một nửa nhiệm vụ được giao	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao
Mức độ lắng nghe ý kiến. (TC4)	Lắng nghe ý kiến và phản hồi của các thành viên khác trong nhóm.	Gần như lắng nghe ý kiến và các phản hồi của các thành viên khác trong nhóm.	Không thường xuyên lắng nghe ý kiến và phản hồi của các thành viên khác trong nhóm.	Không lắng nghe ý kiến và phản hồi của các thành viên khác trong nhóm, tôi nghĩ làm theo cách của tôi
Hợp tác với nhóm. (TC5)	Thảo luận không tranh cãi với các thành viên khác trong nhóm.	Thảo luận các vấn đề với các thành viên và chỉ một vài lần tranh cãi.	Thỉnh thoảng tranh cãi với các thành viên khác của nhóm.	Tranh cãi với mọi người và cố gắng để họ suy nghĩ theo cách của tôi.

BẢNG CHẤM MỨC ĐỘ LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN TRONG NHÓM TỔ
(Dành cho nhóm trưởng cá nhóm)

Nhóm:

Danh sách thành viên	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5	Tổng điểm
Học sinh 1						
Học sinh 2						
Học sinh n						

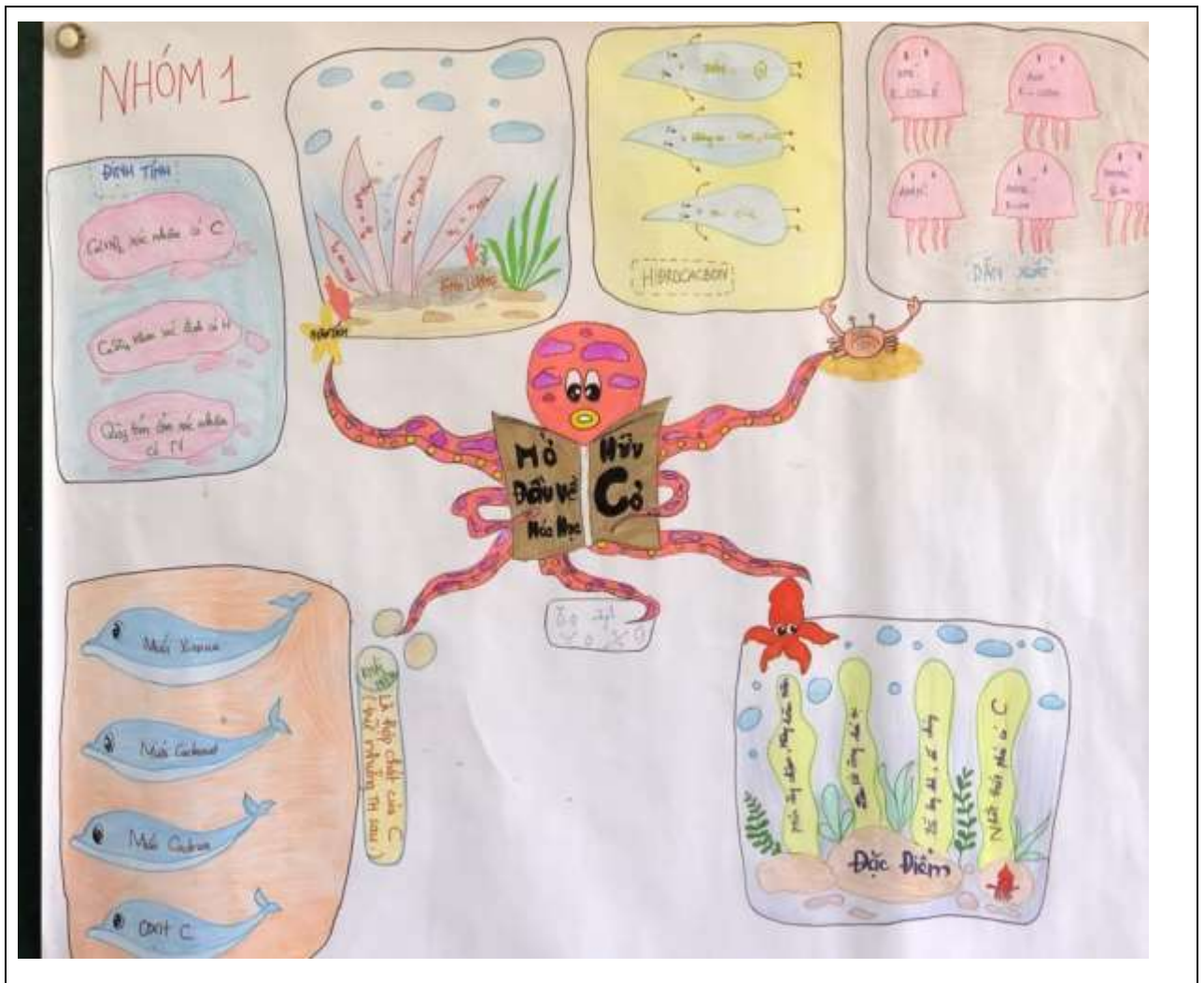
➤ **Tiêu chí đánh giá sản phẩm và nội dung thuyết trình của nhóm**

Các tiêu chí	10đ	7đ	4đ
Cấu trúc sơ đồ tư duy	<ul style="list-style-type: none"> - Các phần chữ đều dùng các từ khóa ngắn gọn, hình ảnh phù hợp trong sơ đồ tư duy - Sắp xếp các nhánh cấp 1,2 và vị trí trong sơ đồ tư duy phù hợp, logic 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa phần các phần chữ đều dùng các từ khóa ngắn gọn, hình ảnh phù hợp trong sơ đồ tư duy. - Sắp xếp các nhánh cấp 1,2 và vị trí trong sơ đồ tư duy đa số là phù hợp, logic 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ 1 số rất ít phần chữ dùng các từ khóa ngắn gọn, hình ảnh phù hợp trong sơ đồ tư duy. Sắp xếp các nhánh cấp 1,2 và vị trí trong sơ đồ tư duy đa số không phù hợp, thiếu logic.
Trình bày báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày cô đọng, dễ hiểu, có cấu trúc rõ ràng, có tính logic, nêu được trọng tâm của các nội dung - Thể hiện bài báo cáo đa dạng linh hoạt không phụ thuộc nội dung chuẩn bị sẵn 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày dễ hiểu có tính logic, nêu được trọng tâm của bài báo cáo. - Trình bày bài báo cáo chưa linh hoạt, ít nhiều phụ thuộc nội dung chuẩn bị sẵn 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khó hiểu, thiếu tính logic, không nêu rõ trọng tâm của bài báo cáo. - Trình bày bài báo cáo phụ thuộc vào nội dung chuẩn bị sẵn.
Trả lời các câu hỏi	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành được các bài tập được nhóm giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành được hơn 50% bài tập của nhóm giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành được ít hơn 50% bài tập của nhóm giao

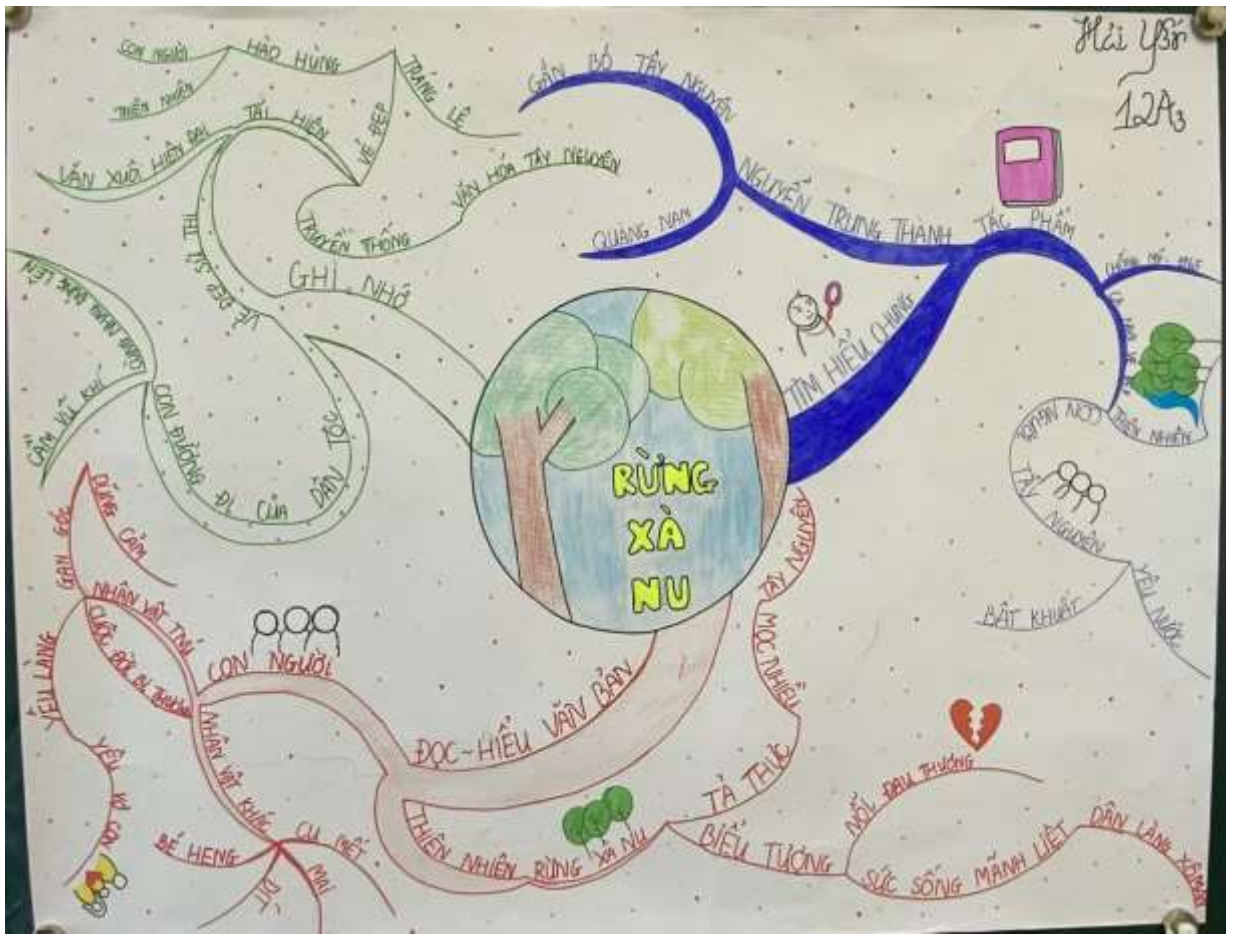
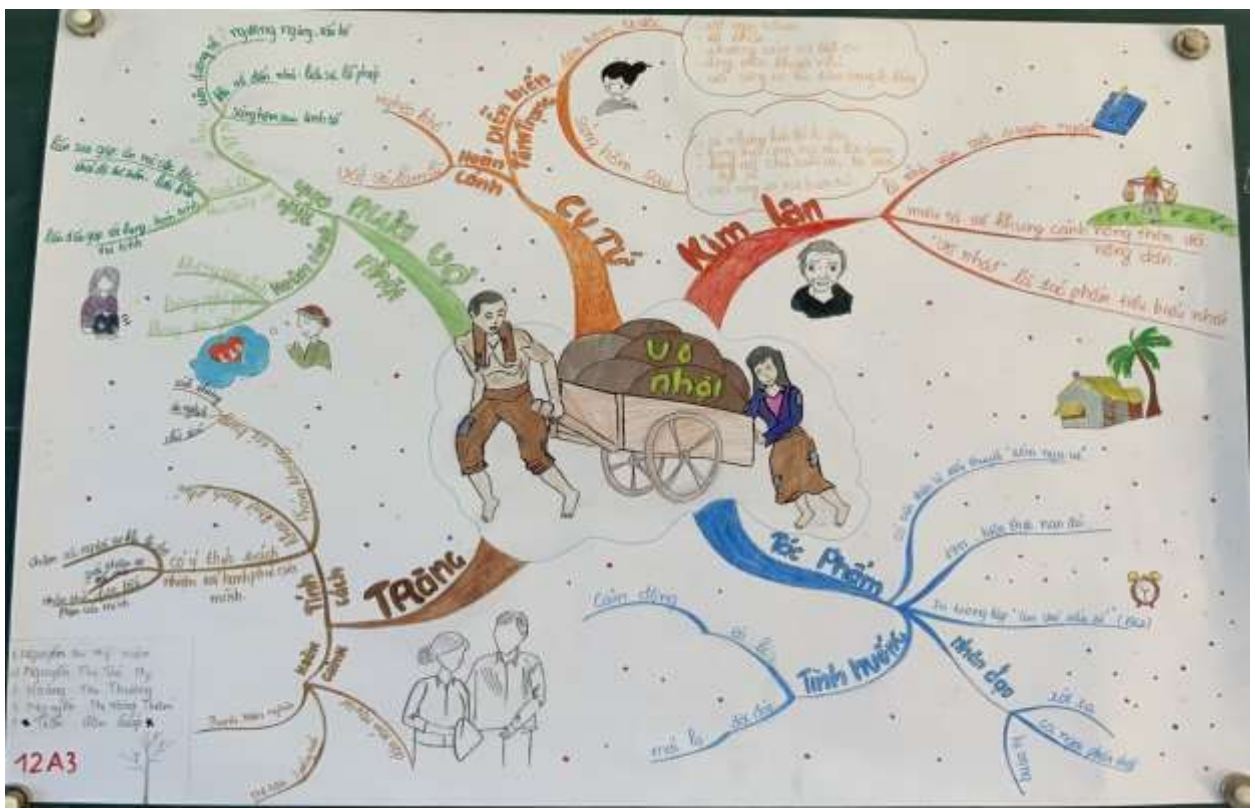
➤ **BẢNG ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ SẢN PHẨM**
CỦA CÁC NHÓM

Danh sách các nhóm	TC1	TC2	TC3	Tổng điểm
Nhóm 1				
Nhóm 2				
Nhóm 3				

➤ **Hình ảnh sơ đồ tư duy của môn Hóa**







Những đứa con trong gia đình

Biên giới Tây bất chợt đầu

- Mà mặt vì đem dạy kẻ thù
- Ra đi đánh với lời thề "Đã làm thân con gái ta đi thì tao chỉ có một câu: nếu giặc có thì tao mất, vậy à!"
- Tranh giành phần đất nhằm khí khái với con
- Là chiến sĩ gan gù dũng cảm, lập nhiều chiến công

Nghệ thuật

Khuyêt tường sử thi

Nhận một mùa mưa, hè nhợt, thu hắt hắt và đông chất Nam Bộ

Nghệ thuật thể hiện tinh thần anh dũng, kiên quyết

Kể chuyện theo mạch hồi tưởng anh nhân vật viết theo tài trí nhiều, không phụ thuộc vào yếu tố thời gian.

NGUYỄN THỊ TIỂU SỬ

Nguyễn Hoàng Ca

- Quê: Hải Hậu, Nam Định
- Từng tham gia cách mạng
- Chiến đấu hy sinh ở Sài Gòn

Phong cách sống tác

- Những lúc phấn kích tâm lý nhân vật sắc sảo
- Những đoạn chất trữ tình và ước ẩn chất huyền thoại
- Tạo ra cái nhân vật có cá tính mạnh mẽ.

Tác phẩm chính

- Hương đồng nội (1950)
- Truyện số kì (1978)

Ảnh hưởng

- Gắn bó hết mình với văn chương và cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc
- Nhà văn của người hướng dẫn Nam Bộ hung không chiến chống Mỹ.

Độc

Hiếu văn bản

Chim

như một hy sinh

Việt

Giống tình yêu thường

Đặc điểm riêng

Chien

- Đốt những miền em quên quên gia đình
- Sống với quân số gia đình: đánh võn từ trước tới về chiều
- Chỉ chiến không biết phân số, nghệ thuật chiến chi
- Chỉ chiến không biết phân số, nghệ thuật chiến chi

Việt

- Vang và động của má
- Cái đầu mọi việc như thần chú
- Chỉ Nam đến đến chân trời
- Chỉ Nam đến đến chân trời

Tác phẩm

Viết vào năm 1966 khi mà chiến tranh chống Mỹ vẫn diễn ra ác liệt

Sau đó tác phẩm in trong tập "Truyện số kì" (1978)

Nguyễn Hoàng Ca

Chiếc thuyền ngoài xa

Nghệ thuật

- Biểu hiện của nghệ thuật viết truyện ngắn
- Viết theo mạch hồi tưởng
- Nhận một mùa mưa, hè nhợt, thu hắt hắt và đông chất Nam Bộ

Ngữ cảnh

Đã là làng, vào những ngày đầu mùa mưa bão

Đã là làng, vào những ngày đầu mùa mưa bão

Đã là làng, vào những ngày đầu mùa mưa bão

Tác phẩm

Viết vào năm 1983 sau ngày 19/5/75

Sau đó tác phẩm in trong tập "Truyện số kì" (1978)

Ô Bô Phố

- Đã là làng, vào những ngày đầu mùa mưa bão
- Đã là làng, vào những ngày đầu mùa mưa bão
- Đã là làng, vào những ngày đầu mùa mưa bão

Ô Tô H N

- Đã là làng, vào những ngày đầu mùa mưa bão
- Đã là làng, vào những ngày đầu mùa mưa bão
- Đã là làng, vào những ngày đầu mùa mưa bão

Đặc điểm riêng

Viết vào năm 1983 sau ngày 19/5/75

Sau đó tác phẩm in trong tập "Truyện số kì" (1978)

II. Kỹ thuật mảnh ghép

1. Bộ môn hóa học

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết oxit được chia làm mấy loại? Theo em CO vào loại nào? Hãy liệt kê các tính chất hóa học của loại oxit đó?
2. Xác định số oxi hóa của Cacbon trong phân tử CO. So sánh với các số oxi hóa khác của nguyên tố Cacbon em hãy cho biết Cacbon trong CO thể hiện tính chất gì khi tham gia phản ứng oxi hóa – khử?

Viết PTHH các phản ứng xảy ra.

TRẢ LỜI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. OXIT chia làm 4 loại

Oxit axit: SO_2 , CO_2

Oxit bazo: CaO , CuO

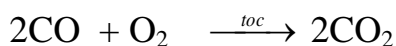
Oxit lưỡng tính: Al_2O_3

Oxit trung tính: CO , NO

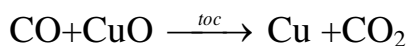
CO không tác dụng với nước, axit và dung dịch kiềm ở điều kiện thường.

2. C trong CO có số oxi hóa +2 xu hướng đặc trưng về số OXH +4 do đó CO thể hiện tính khử

a. Tác dụng với Oxi



b. Tác dụng với Oxit kim loại (Các oxit kim loại đứng sau Al)



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. Dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết oxit được chia làm mấy loại? Theo em CO_2 vào loại nào? Hãy liệt kê các tính chất hóa học của loại oxit đó?
2. Vì sao trong thực tế CO_2 được dùng để dập tắt các đám cháy?
3. Xác định số oxi hóa của Cacbon trong phân tử CO_2 . So sánh với các số oxi hóa khác của nguyên tố Cacbon em hãy cho biết Cacbon trong CO_2 thể hiện tính chất gì khi tham gia phản ứng oxi hóa – khử?

TRẢ LỜI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. OXIT chia làm 4 loại

Oxit axit: SO_2 , CO_2

Oxit bazo: CaO , CuO

Oxit lưỡng tính: Al_2O_3

Oxit trung tính: CO , NO

CO_2 là oxit axit tác dụng với oxit bazơ và bazơ tạo muối.

- Khi tan trong nước:

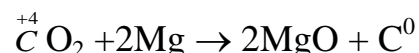


- Tác dụng với Oxitbazơ, bazơ.



2. CO_2 không cháy, không duy trì sự cháy

3. CO_2 có tính oxihóa khi gặp chất khử mạnh



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

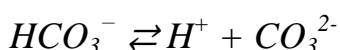
1. Nêu tính chất hóa học của Axit cacbonic.

2. Nêu tính chất hóa học của muối cacbonat. Lấy ví dụ minh họa?

TRẢ LỜI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

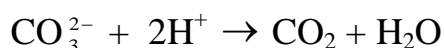
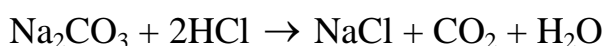
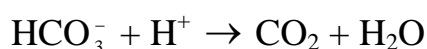
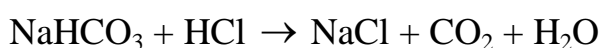
1. H_2CO_3 rất yếu và kém bền, chỉ tồn tại trong dd loãng

- Phân li theo hai nấc:



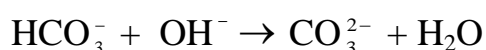
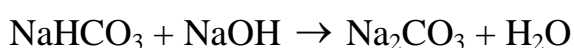
2. Tính chất hóa học muối cacbonat

a. Tác dụng với axit:



b. Tác dụng với dung dịch kiềm:

Muối hidrocacbonat tác dụng với dung dịch kiềm:

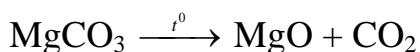
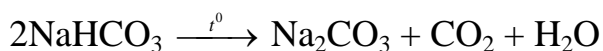


c. Phản ứng nhiệt phân:

- Muối cacbonat tan không bị nhiệt phân

- Muối cacbonat không tan \rightarrow oxit KL + CO_2

- Muối hidrocacbonat \rightarrow muối cacbonat + CO_2 + H_2O



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4. NHÓM MẢNH GHÉP

I. TÍNH CHẤT HÓA HỌC CACBON MONOOXIT

1. CO thuộc loại oxit:

Tính chất của nó.....

2. CO có số OXH:.....Xu hướng thể hiện tính:.....

Tác dụng với oxi:

.....

Tác dụng với oxit kim loại:

.....

II. TÍNH CHẤT HÓA HỌC CACBON ĐIOXIT

1. CO_2 thuộc loại oxit:

Tính chất của nó:

.....

2. CO_2 được dùng để dập tắt các đám cháy trong thực tế là do:

.....

3. Số oxi hóa của Cacbon trong phân tử CO_2 :.....

CO_2 thể hiện tínhkhi tham gia phản ứng oxi hóa – khử?

PT:.....

III. TÍNH CHẤT HÓA HỌC AXIT CACBONIC VÀ MUỐI CACBONAT

1. Nêu tính chất hóa học của axit cacbonic:

.....

2. Nêu tính chất hóa học của muối cacbonat. Lấy ví dụ minh họa?

.....

TRẢ LỜI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4. NHÓM MẢNH GHÉP

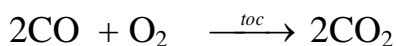
I. Tính chất hóa học CO

1. CO thuộc loại oxit: Trung tính

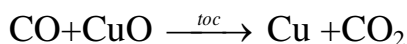
Tính chất của nó: Không tác dụng với nước, axit và dung dịch kiềm ở điều kiện thường

2. CO có số OXH: +2. Xu hướng thể hiện tính khử

Tác dụng với oxi: Cho ngọn lửa màu xanh lam và tỏa nhiều nhiệt



Tác dụng với oxit kim loại: Chỉ những oxit kim loại sau nhôm



II. Tính chất hóa học CO₂

1. CO₂ thuộc loại oxit axit

Tính chất của nó:

- Khi tan trong nước:

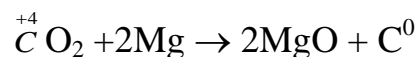


- Tác dụng với Oxitbazơ, bazơ.



2. CO₂ không cháy, không duy trì sự cháy

3. CO₂ có tính oxi hóa khi gặp chất khử mạnh

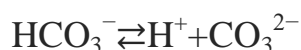
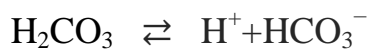


II. Tính chất hóa học của axit cacbonic và muối cacbonat

1. Axit cacbonic

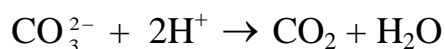
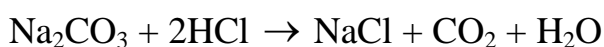
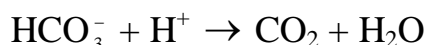
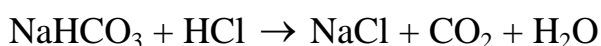
- Rất yếu và kém bền, chỉ tồn tại trong dd loãng

- Phân li theo hai nấc:



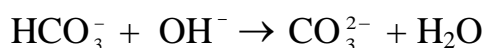
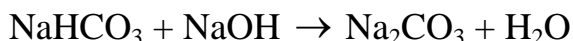
2. Muối cacbonat

a. Tác dụng với axit:



b. Tác dụng với dung dịch kiềm:

Muối hidrocacbonat tác dụng với dung dịch kiềm:

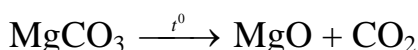


c. Phản ứng nhiệt phân:

- Muối cacbonat tan không bị nhiệt phân

- Muối cacbonat tan \rightarrow oxit KL + CO_2

- Muối hidrocacbonat \rightarrow muối cacbonat + CO_2 + H_2O



➤ Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Chọn câu phát biểu sai

A. CO là oxit axit

B. CO là oxit trung tính

C. CO là chất khí không màu

D. CO là chất khí độc

Câu 2: CO khử được các oxit nào sau đây?

A. MgO

B. CuO

C. Al_2O_3

D. K_2O

Câu 3: Nhóm nào sau đây gồm các muối đều **không** bị nhiệt phân?

A. CaCO_3 , KHCO_3 .

B. Na_2CO_3 , K_2CO_3 .

C. $\text{Mg}(\text{HCO}_3)_2$, NaHCO_3 .

D. $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$, Li_2CO_3 .

Câu 4: CO_2 không cháy và không duy trì sự cháy nhiều chất nên được dùng để dập tắt các đám cháy. Tuy nhiên, CO_2 không dùng để dập tắt đám cháy nào dưới đây?

A. đám cháy do khí ga.

B. đám cháy do magie.

C. đám cháy nhà cửa, quần áo.

D. đám cháy do xăng, dầu.

Câu 5: Ở nhiệt độ cao CO khử được mấy oxit trong số các oxit sau: Na_2O , CuO, FeO, Al_2O_3 , MgO, Fe_2O_3 , Fe_3O_4 ?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 6: Nhiệt phân $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$ cho ra sản phẩm:

A. CaO, CO_2

B. CaCO_3 , H_2O

C. CaO, H_2O , CO_2

D. CaCO_3 , H_2O , CO_2

Câu 7: Dẫn 2,24 lít CO_2 đi chậm qua 200 ml dung dịch NaOH 1,5M. Dung dịch sau phản ứng chứa loại chất tan nào sau đây?

A. NaHCO_3 .

B. NaHCO_3 và Na_2CO_3 .

C. Na_2CO_3 .

D. Na_2CO_3 và NaOH.

Câu 8: Dung dịch axit cacbonic có chứa tổng số phân tử và ion là bao nhiêu? (không kể phân tử nước)

A. 1 **B. 4** **C. 2** **D. 3**

Câu 9: Để làm sạch khí oxi có lẫn khí cacbonic, ta có thể dẫn hỗn hợp khí qua lượng dư dung dịch

A. Ca(OH)₂. **B.** HCl. **C.** Br₂. **D.** NaCl.

Câu 10. Hấp thụ khí CO₂ vào dung dịch NaOH dư, khi phản ứng kết thúc thu được dung dịch có chứa chất tan gồm ?

A. NaHCO₃ **B.** Na₂CO₃ **C.** NaHCO₃ và Na₂CO₃ **D.** Na₂CO₃ và NaOH

Câu 11: Để phân biệt CO₂ và SO₂ dùng thuốc thử là:

A. Nước Brom **B.** Dung dịch NaOH **C.** CaO **D.** Dung dịch Ca(OH)₂

Câu 12: Công thức của cacbon monooxit là:

A. CO₂ **B.** CH₄ **C.** CO. **D.** CO₃²⁻

Câu 13: Axit nào sau đây là axit yếu, không bền?

A. H₂CO₃. **B.** HCl. **C.** H₂SO₄. **D.** HF

Câu 14: Sục từ từ CO₂ đến dư vào nước vôi trong (dd Ca(OH)₂). Hiện tượng xảy ra là?

A. nước vôi đục dần rồi trong trở lại **B.** nước vôi trong không có hiện tượng gì
C. nước vôi hoá đục **D.** nước vôi trong một lúc rồi mới hoá đục

Câu 15: Phản ứng nào sau đây **không** xảy ra ?

A. CaCO₃ $\xrightarrow{t^{\circ}}$ CaO + CO₂ **B.** 2NaHCO₃ $\xrightarrow{t^{\circ}}$ Na₂CO₃ + CO₂ + H₂O

C. MgCO₃ $\xrightarrow{t^{\circ}}$ MgO + CO₂ **D.** Na₂CO₃ $\xrightarrow{t^{\circ}}$ Na₂O + CO₂

Câu 16: Nhận định nào sau đây về muối cacbonat là đúng : Tất cả muối cacbonat đều

A. tan trong nước.

B. bị nhiệt phân tạo ra oxit kim loại và cacbon đioxit.

C. không tan trong nước.

D. bị nhiệt phân trừ muối cacbonat của kim loại kiềm.

Câu 17: Khi đun nóng dung dịch canxi hidrocacbonat thì có kết tủa xuất hiện. Tổng các hệ số tỉ lượng trong phương trình phản ứng là :

A. 4. **B.** 5. **C.** 6. **D.** 7.

Câu 18. Trong các phản ứng hoá học sau, phản ứng nào *sai*?

A. 3CO + Fe₂O₃ $\xrightarrow{t^{\circ}}$ 3CO₂ + 2Fe **B.** C + H₂O $\xrightarrow{t^{\circ}}$ CO + H₂

C. 3CO + Al₂O₃ $\xrightarrow{t^{\circ}}$ 2Al + 3CO₂ **D.** 2CO + O₂ $\xrightarrow{t^{\circ}}$ 2CO₂

Câu 19: Cặp chất nào sau đây không xảy ra phản ứng?

A. Ba(OH)₂ và K₂CO₃

B. MgCO₃ và HCl.

C. NaCl và K₂CO₃

D. H₂SO₄ và KHCO₃.

Câu 20: Dẫn luồng khí CO dư đi qua hỗn hợp Al₂O₃, CuO, MgO, Fe₂O₃, ZnO nung nóng. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, chất rắn thu được là :

A. Al₂O₃, Cu, MgO, Fe, Zn.

B. Al, Fe, Cu, Mg, Zn.

C. Al₂O₃, Cu, Fe, Mg, Zn.

D. Al₂O₃, Fe₂O₃, CuO, MgO, Zn.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HOÀN THÀNH PHIẾU HỌC TẬP

Các tiêu chí	Có	Không
Nêu đầy đủ tính chất hóa học của các chất		
Viết phương trình minh họa đúng tính chất		
Cân bằng các phương trình đầy đủ		
Nêu rõ được tính chất thể hiện trong mỗi phương trình		

2. Bộ môn Văn học

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Trình bày lai lịch, hoàn cảnh sống, ngoại hình, tính cách của nhân vật Tràng.

TRẢ LỜI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

- Tràng là một gã trai nghèo khổ, dân cư ngụ, làm nghề đẩy xe bò thuê, nuôi mẹ già.
- Ngoại hình xấu xí, thô kệch, hai con mắt nhỏ tí, gà gà đấm vào bóng chiều, hai bên quai hàm bạnh ra, rung rung làm cho cái bộ mặt thô kệch của hắn lúc nào cũng nhấp nhỉnh những ý nghĩ vừa lý thú vừa dữ tợn... Đầu cạo trọc nhẵn, cái lưng to rộng như lưng gấu, ngay cả cái cười cũng lạ, cứ phải ngửa mặt lên cười hềnh hếch.
- Tính cách: vô tư, nhân hậu, thích trẻ con

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Diễn biến tâm trạng của anh Tràng trên đường về nhà.

TRẢ LỜI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

* **Diễn biến tâm trạng:**

- **Lúc đầu:** Tràng cũng có chút phân vân, lo lắng: “*thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng.*”

- Nhưng rồi, sau một cái “tặc lưỡi”, Tràng quyết định đánh đổi tất cả để có được người vợ, có được hạnh phúc.

→ Bên ngoài là sự liêu lĩnh, nông nổi, nhưng bên trong chính là sự khao khát hạnh phúc lứa đôi. Quyết định có vẻ giản đơn nhưng chứa đựng tình thương đối với người gặp cảnh khôn cùng.

- **Trên đường về nhà:** “phớn phở”, tùm tùm cười nụ, mắt sáng lấp lánh “vênh vênh ra điều”, quên tất cả mọi tâm tột, chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên cạnh.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Diễn biến tâm trạng của anh Tràng khi về đến nhà.

TRẢ LỜI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

- **Về đến nhà:**

+ Lúc bà cụ Tứ chưa về

Xăm xăm, đon đả

Tây ngậy, sờ sờ

Chạy ra, chạy vào

Nhổ nước bọt vu vợ, cười tùm tùm

Ngờ ngợ như không phải

-> Bối rối, sượng sùng trước hạnh phúc quá bất ngờ

+ Lúc bà cụ Tứ đã về

Reo lên, lật đật đón

Tươi cười

Từ tốn thưa chuyện

-> Xác nhận niềm vui một cách rành rọt, nghiêm túc

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Diễn biến tâm trạng của anh Tràng trong buổi sáng hôm sau.

TRẢ LỜI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

- **Buổi sáng đầu tiên có vợ:**

+ Thấy “êm ái, lửng lơ như người vừa từ trong giấc mơ đi ra”, “ngõ ngang”;

+ Nhận ra “xung quanh mình vừa có cái gì thay đổi mới mẻ, khác lạ”;

+ Thấy “thấm thía cảm động”, thấy “thương yêu gắn bó với cái nhà của hẳn lạ lòng”.

+ Vui sướng, phấn chấn tràn ngập trong lòng.

+ Thấy thấy có bồn phận lo lắng cho vợ con sau này

=> Tràng: Có khát vọng sống mãnh liệt (trong hoàn cảnh khốn cùng vẫn hướng về sự sống, vẫn lạc quan, yêu đời, tìm về hp -> d/c: dám “nhặt vợ” trong cảnh đói; hay cười, hay đùa; cảm thấy hạnh phúc khi có vợ...); có niềm tin vào tương lai tươi sáng (d/c: anh nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy đủ qua hình ảnh lá cờ đỏ trên đê Sộp, thấy ân hận vì hành động đẩy xe thóc trốn Việt Minh ngày trước....).

=> *Niềm khát khao tổ ấm gia đình và tình thương giữa những con người nghèo khổ đã giúp Tràng vượt lên tất cả, bất chấp cả cái đói và cái chết.*

=> *Trong bất cứ h/cảnh khó khăn nào, con người lẽ vẫn biết tìm đến nhau, yêu thương, đùm bọc nhau để vươn tới 1 hp, 1 c/s tốt đẹp hơn*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5	
Tìm hiểu nhân vật Tràng trong tác phẩm vợ nhặt của Kim Lân	
Lai lịch, hoàn cảnh sống, ngoại hình, tính cách của nhân vật?	
Diễn biến tâm trạng của anh Tràng trên đường về nhà.	
Diễn biến tâm trạng của anh Tràng khi về đến nhà.	
Diễn biến tâm trạng của anh Tràng trong buổi sáng hôm sau.	
Nhận xét về nhân vật	

❖ Bảng kiểm đánh giá quá trình hoàn thành phiếu học tập

	Xuất sắc (4 điểm)	Tốt (3 điểm)	Khá (2 điểm)	Trung bình (1đ)	Yếu (0 đ)
Nhận diện (Tìm chi tiết về nhân vật)	Xác định được đầy đủ các chi tiết đắt giá và quan trọng	Xác định được đầy đủ các chi tiết có liên quan	Xác định được hầu hết các chi tiết để miêu tả	Xác định được một số chi tiết có liên quan để phát hiện ra	Không xác định được các chi tiết có liên quan để

	đề miêu tả toàn diện, độc đáo về nhân vật.	đề miêu tả toàn diện về nhân vật.	được đặc điểm cơ bản về nhân vật.	một số ít đặc điểm về nhân vật.	phát hiện ra đặc điểm của nhân vật.
Suy luận được ý nghĩa của chi tiết, nhân vật	Suy luận hợp lý, logic, sâu sắc để thấy được diễn biến tâm trạng nhân vật và khái quát được sâu sắc thông điệp từ nhân vật	Suy luận hợp lý, logic, sâu sắc để thấy được diễn biến tâm trạng nhân vật và khái quát được sâu sắc thông điệp từ nhân vật	Suy luận được một vài đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật nhưng chưa thấy được diễn biến tâm trạng và thông điệp từ nhân vật	Suy luận được rất ít đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật và chưa thấy được diễn biến tâm trạng và thông điệp từ nhân vật	Không suy luận được hoặc suy luận thiếu hợp lý, logic.

III. Kỹ thuật khăn trải bàn

1. Bộ môn Hóa học

Nội dung phiếu học tập cá nhân				
Họ và tên:				
Tên thí nghiệm	Cách tiến hành	Hiện tượng	Phương trình	Tính chất NH₃ thể hiện
Thí nghiệm 1:				
Thí nghiệm 2:				
Thí nghiệm 3:				
Thí nghiệm 4:				
Thí nghiệm 5:				
Nội dung phiếu học tập nhóm				
Nhóm:				
Tên thành viên trong nhóm:				
Tên thí nghiệm	Hiện tượng	Phương trình	Tính chất NH₃ thể hiện	
Thí nghiệm 1:				

Thí nghiệm 2:			
Thí nghiệm 3:			
Thí nghiệm 4:			
Thí nghiệm 5:			

2. Bộ môn Văn học

<p>Nội dung phiếu học tập</p> <p>Nhóm:</p> <p>Tên thành viên trong nhóm:</p>	
<p>1. Phát hiện thứ nhất của người nghệ sĩ nhiếp ảnh là phát hiện đây thơ mộng. Vẻ đẹp đó được miêu tả như thế nào? Anh đã cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa trên biển sớm mù sương?</p>	
<p>2. Phát hiện thứ hai của người nghệ sĩ nhiếp ảnh mang đầy nghịch lí. Phùng đã chứng kiến và có thái độ như thế nào trước những gì diễn ra ở gia đình thuyền chài?</p>	
<p>3. - Qua hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng, Nguyễn Minh Châu muốn người đọc nhận thức điều gì về cuộc đời ?</p>	

IV. Kỹ thuật KWL

2. Bộ môn Hóa học

➤ Nội dung phiếu học tập

<p>Phiếu học tập bài phenol</p> <p><i>Hệ thống câu hỏi thảo luận</i></p> <p>Câu hỏi 1: Nêu đặc điểm cấu tạo của phenol?</p> <p>Câu hỏi 2: Nêu các tính chất hóa học đặc trưng của những hợp chất đã nêu trong câu hỏi 1</p> <p>Câu hỏi 3: Dự đoán thử tính chất hóa học của Phenol ?</p> <p>Câu hỏi 4: Hãy quan sát các video sau trả lời các câu hỏi sau:</p>
--

1. Phản ứng thế nguyên tử H của nhóm -OH

a. Thí nghiệm 1: Phenol phản ứng với Na.

- Hiện tượng:
- Phương trình:
- Nhận xét: (So sánh với ancol)

b. Thí nghiệm 2: Phenol phản ứng với NaOH

- Hiện tượng:
- Phương trình
- Nhận xét: + Phản ứng này chứng tỏ điều gì về tính chất của phenol
- + Tại sao phenol lại có tính chất này?

2. Phản ứng thế nguyên tử H của vòng benzen

a. Thí nghiệm 3: Phenol phản ứng với Brom

- Hiện tượng:
- Phương trình:

b. Thí nghiệm 4: Phenol phản ứng với HNO₃

- Hiện tượng:
- Phương trình:
 - Nhận xét đặc điểm chung của hai phản ứng
 - Tính chất này chứng tỏ điều gì về đặc điểm cấu tạo của Phenol
 - Từ 4 thí nghiệm đã nghiên cứu rút ra điều gì về ảnh hưởng của các nguyên tử trong phân tử.

Câu hỏi 1:

- Có vòng benzen (Giống hydrocarbon thơm)
- Có nhóm -OH (Giống ancol)

Câu hỏi 2:

- Hydrocarbon thơm: Phản ứng thế H của vòng benzen
- Ancol: Phản ứng thế H của nhóm -OH

Câu hỏi 3:

- Phenol có những tính chất hóa học đặc trưng của Ancol và Hydrocarbon thơm

Câu hỏi 4: Hãy quan sát các video sau trả lời các câu hỏi sau:

1. Phản ứng thế nguyên tử H của nhóm -OH

a. Thí nghiệm 1: Phenol phản ứng với Na.

- Hiện tượng: Thấy bọt khí thoát ra

- Phương trình: $C_6H_5OH + Na \rightarrow C_6H_5ONa + 1/2H_2$

- Nhận xét: Giống tính chất Ancol

b. Thí nghiệm 2: Phenol phản ứng với NaOH

- Hiện tượng: Dung dịch trong suốt

- Phương trình: $C_6H_5OH + NaOH \rightarrow C_6H_5ONa + H_2O$

- Nhận xét: + Phenol có tính axit yếu, dung dịch phenol không làm đổi màu quỳ tím.

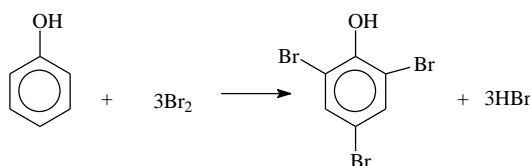
+ Vòng benzen đã làm tăng khả năng phản ứng của nguyên tử H thuộc nhóm –OH trong phân tử phenol so với trong phân tử ancol

2. Phản ứng thế nguyên tử H của vòng benzen

a. Thí nghiệm 3: Phenol phản ứng với Brom

- Hiện tượng: Xuất hiện kết tủa trắng

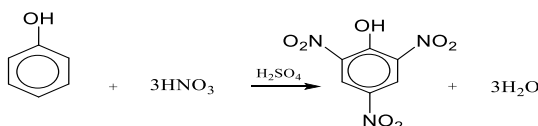
- Phương trình:



b. Thí nghiệm 4: Phenol phản ứng với HNO₃

- Hiện tượng: Xuất hiện kết tủa vàng

- Phương trình:



- Đặc điểm chung của hai phản ứng: Phản ứng xảy ra ở điều kiện thường, 3 nguyên tử H của vòng benzen tại vị trí o, p đều bị thay thế.
- Tính chất này chứng tỏ đặc điểm cấu tạo của Phenol: Nguyên tử H của vòng benzen trong phân tử phenol dễ bị thay thế hơn nguyên tử H của vòng benzen trong phân tử các hydrocacbon thơm. Đó là ảnh hưởng của nhóm –OH tới vòng benzen
- Từ 4 thí nghiệm đã nghiên cứu rút về ảnh hưởng của các nguyên tử trong phân tử: Ảnh hưởng của vòng benzen đến nhóm –OH và ảnh hưởng của nhóm –OH đến vòng benzen được gọi là ảnh hưởng qua lại giữa các nhóm nguyên tử trong phân tử

➤ **Bảng kiểm tính chất hóa học của phenol**

Các tiêu chí	Có	Không
Nêu được đúng đặc điểm cấu tạo của phenol		
Nêu được tính chất hóa học đặc trưng của hydrocarbon thơm và ancol		
Nêu đúng hiện tượng thí nghiệm 1		
Viết đúng phương trình thí nghiệm 1		
Nhận xét được phenol giống ancol ở thí nghiệm 1		
Nêu đúng hiện tượng thí nghiệm 2		
Viết đúng phương trình thí nghiệm 2		
Nhận xét được phenol có tính axit		
Nhận xét được về ảnh hưởng của vòng benzen đến nhóm -OH		
Nêu đúng hiện tượng thí nghiệm 3		
Viết đúng phương trình thí nghiệm 3		
Nêu đúng hiện tượng thí nghiệm 4		
Viết đúng phương trình thí nghiệm 4		
Nhận xét được đặc điểm chung của hai phản ứng		
Giải thích được vì sao H trong vòng benzen của phenol dễ thế hơn H trong vòng benzen của hydrocarbon thơm		
Nhận xét được sự ảnh hưởng qua lại giữa các nguyên tử trong phân tử		

➤ **Bài tập củng cố học sinh làm trong Quizz**

Hệ thống câu hỏi củng cố

Câu 1: Phản ứng chứng minh nguyên tử H trong nhóm -OH của phenol (C_6H_5OH) linh động hơn rượu là

- A.** dd Br_2 . **B.** dd kiềm. **C.** Na kim loại. **D.** O_2 .

Câu 2: Ảnh hưởng của gốc C_6H_5- đến nhóm -OH trong phân tử phenol thể hiện qua phản ứng giữa phenol với

- A.** dung dịch H_2SO_4 đặc **B.** H_2 (xúc tác: Ni, nung nóng).

C. dung dịch NaOH.

D. Br₂ trong H₂O.

Câu 3: Phenol phản ứng được với dung dịch nào sau đây?

A. NaHCO₃.

B. CH₃COOH.

C. K.

D. HCl.

Câu 4: Chất nào sau đây có khả năng tạo kết tủa với dung dịch brom?

A. Phenol.

B. Etilen.

C. Benzen.

D. Axetilen.

Câu 5: Phenol (C₆H₅OH) **không** phản ứng với chất nào sau đây?

A. Na.

B. NaOH.

C. NaHCO₃.

D. Br₂.

Câu 6: Phenol **không** phản ứng với chất nào dưới đây?

A. Br₂.

B. Cu(OH)₂.

C. Na.

D. KOH.

Câu 7: Nguyên nhân nào sau đây làm cho phenol tác dụng dễ dàng với dung dịch brom?

A. Chỉ do nhóm -OH hút electron.

B. Chỉ do nhân benzen hút electron.

C. Chỉ do nhân benzen đẩy electron.

D. Do nhóm -OH đẩy electron vào nhân benzen và nhân benzen hút electron làm tăng mật độ electron ở các vị trí *o*- và *p*-.

Câu 8: Ảnh hưởng của nhóm -OH đến gốc C₆H₅- trong phân tử phenol thể hiện qua phản ứng giữa phenol với

A. H₂ (Ni, nung nóng).

B. Na kim loại.

C. Dung dịch Br₂

D. dung dịch NaOH.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Các chất có chứa vòng benzen và nhóm OH đều được gọi là phenol.

B. Khả năng tham gia phản ứng thế brom của phenol yếu hơn benzen.

C. Phenol có khả năng phản ứng được với NaOH và Na.

D. Dung dịch phenol (C₆H₅OH) làm đổi màu quỳ tím.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về phenol (C₆H₅OH)?

A. Dung dịch phenol không làm đổi màu quỳ tím.

B. Phenol tác dụng với nước brom tạo kết tủa.

C. Phenol thuộc loại ancol thơm, đơn chức

D. Phenol ít tan trong nước lạnh nhưng tan nhiều trong nước nóng.

2. Bộ môn Văn học

* Phiếu học tập số 1:

Tác giả Hồ Chí Minh	K(What we Know) Điều em đã biết	W(What we learned) Điều em muốn biết	L(What we learned) Điều em đã học được
1. Cuộc đời Hồ Chí Minh			
2. Con người Hồ Chí Minh			
3. Sự nghiệp sáng tác			

* Lưu ý: Cột K và cột W học sinh điền tại lớp. Còn cột L về nhà hoàn thành sau

* Bảng kiểm tìm hiểu về tác giả Hồ Chí Minh

Các tiêu chí	Có	Không
Nêu được đúng các giai đoạn cuộc đời của Hồ Chí Minh		
Nêu được phẩm chất tính cách của Hồ Chí Minh		
Nêu đúng tên thể loại và các tác phẩm của Hồ Chí Minh		
Chỉ ra được những điều muốn biết quan trọng liên quan đến cuộc đời của HCM		
Chỉ ra được những điều muốn biết quan trọng liên quan đến con người của HCM		
Chỉ ra được những điều muốn biết quan trọng liên quan đến sự nghiệp sáng tác của HCM		
Tổng hợp được những kiến thức cơ bản về cuộc đời của HCM		
Khái quát được những kiến thức cơ bản về con người HCM		
Tổng hợp được đầy đủ những kiến thức cơ bản về sự nghiệp sáng tác của HCM		

PHỤ LỤC 2: BẢNG KIỂM HỖ TRỢ VIỆC ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC CỦA HỌC SINH VÀ NHÓM HỌC SINH

1. Dùng đánh giá học sinh

TIÊU CHÍ	Mức độ	HS 1	HS 2	HS n
Tập trung chú ý	Chú ý			
	Bình thường			
	Chưa chú ý			
Phân công nhiệm vụ	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên hợp lý			
	Phân công nhiệm vụ đôi chỗ chưa hợp lý			
	Chưa biết phân công nhiệm vụ			
Thực hiện nhiệm vụ	Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và hỗ trợ các bạn			
	Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và khá hiệu quả			
	Thực hiện nhiệm vụ chưa hiệu quả			
Diễn đạt ý kiến	Dễ hiểu, thuyết phục, hấp dẫn			
	Bình thường			
	Khó hiểu, không thuyết phục			
Lắng nghe	Chăm chú ghi chép lại			
	Có chú ý nghe nhưng ko ghi chép			
	Không chú ý			
Phản hồi ý kiến	Khéo léo, lịch sự			
	Bình thường			
	Gay gắt			
Viết báo cáo	Đầy đủ, khoa học			
	Đầy đủ nhưng chưa khoa học			
	Chưa đầy đủ			
Đánh giá	Chính xác, khách quan			
	Tương đối chính xác và có 1 vài chỗ cần xem xét lại			
	Chưa đánh giá được			

2. Dùng đánh giá nhóm học sinh

Tiêu chí		Nhóm	Nhóm	Nhóm	Nhóm
		1	2	3	...
Di chuyển	Trật tự, nhanh nhẹn, đúng nhóm				
	Trật tự nhưng chậm chạp				
	Lộn xộn chưa đúng nhóm				
Phân công nhiệm vụ	Xác định được nhiệm vụ, phân công hợp lý cho các thành viên				
	Xác định được nhiệm vụ, phân công có chỗ chưa hợp lý cho các thành viên				
	Chưa xác định được nhiệm vụ, phân công chưa hợp lý cho thành viên				
Thực hiện nhiệm vụ	Rất tích cực				
	Bình thường				
	Chưa tích cực				
Tranh luận	Sôi nổi, đúng mục tiêu				
	Bình thường, có lúc đúng hoặc chưa đúng mục tiêu				
	Chưa đúng mục tiêu, lan man				
Giải quyết mâu thuẫn	Không để mâu thuẫn xảy ra				
	Giải quyết được mâu thuẫn				
	Không giải quyết được mâu thuẫn				
Báo cáo	Ngắn gọn, thuyết phục, hấp dẫn				
	Bình thường				
	Khó hiểu, dài dòng				
Đánh giá	Chính xác, công bằng				
	Chưa chính xác ở một số tiêu chí				

	Chưa chính xác, không công bằng				
Thời gian hoàn thành nhiệm vụ	Trước thời gian quy định				
	Đúng thời gian quy định				
	Sau thời gian quy định				